TS. LÊ THỊ HƯƠNG GIANG,
TS. NGÔ THU THUỶ
(đồng chủ biên)

GIÁO TRÌNH
TIẾNG VIỆT SƠ CẤP A2

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THỊ HƯƠNG GIANG, NGÔ THU THỦY

GIÁO TRÌNH
TIẾNG VIỆT SƠ CẤP A2

(ELEMENTARY VIETNAMESE LEVEL A2)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
NĂM 2025

MỤC LỤC

BÀI 1. ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT 7
BÀI 2. THỜI GIAN 22
BÀI 3. THỜI TIẾT 34
BÀI 4. TRANG PHỤC 50
BÀI 5. SỞ THÍCH, THÓI QUEN 68
BÀI 6. SỨC KHỎE 81
BÀI 7. THỂ THAO 92
BÀI 8. ÔN TẬP 107

LỜI MỞ ĐẦU

Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài là một hoạt động chuyên môn quan trọng của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Chương trình đào tạo tiếng Việt dự bị cho người nước ngoài của Trường gồm 4 bậc A1, A2, B1, B2 tương đương bậc 1,2,3,4 trong Khung năng lực tiếng Việt 6 bậc dành cho người nước ngoài. Mỗi bậc gồm 05 học phần, trong đó có 01 học phần Ngữ pháp và 04 học phần kĩ năng Đọc, Viết, Nói, Nghe. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, năm học 2024 - 2025, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên tổ chức biên soạn bộ giáo trình tiếng Việt bậc sơ cấp A1, A2 tiến tới xuất bản đủ bộ giáo trình tiếng Việt dự bị cho đến trình độ B1, B2.

Giáo trình *Tiếng Việt sơ cấp A2* là giáo trình thuộc bộ giáo trình bậc A2. Giáo trình này được biên soạn nhằm giúp người học hiểu thêm từ vựng, các hiện tượng ngữ pháp, rèn luyện các kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Việt bậc 2/6 với các chủ đề: động vật - thực vật, thời gian, thời tiết, trang phục, sở thích - thói quen, sức khỏe, thể thao. Đặc biệt, các chủ đề, các hiện tượng ngữ pháp trong giáo trình ở bậc Sơ cấp A2 là những nội dung thiết thực gắn với những hiện tượng ngữ pháp tiếng Việt ở cả dạng viết và dạng nói.

Giáo trình được chia thành 7 bài học tương ứng với các chủ đề trên. Mỗi bài học được cấu trúc với các phần: Hội thoại, Bài đọc, Từ ngữ, Ghi chú ngữ pháp, Luyện tập và Mở rộng. Từ ngữ, các ghi chú ngữ pháp được xuất hiện trong các bài Hội thoại, Bài đọc nên nhìn một cách tổng thể, chúng có tính hệ thống, mang tính cập nhật theo chỉ dẫn của Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các ghi chú ngữ pháp đều được giải thích cụ thể, dễ hiểu đối với người học. Bên cạnh đó, giáo trình cung cấp các ghi chú ngữ pháp tương đương/ đồng nghĩa; cách diễn đạt trong nói/ viết khi sử dụng các ghi chú ngữ pháp ấy. Các bài tập luyện tập hướng tới việc rèn luyện, củng cố kiến thức với mục tiêu trọng tâm về từ vựng, ngữ pháp của bài học, bậc học và đa dạng hình thức nghe, nói, đọc, viết. Cuối cùng, người học được tự tìm hiểu các đoạn/ bài viết giới thiệu về bản sắc văn hóa Việt Nam; các câu tục ngữ, thành ngữ, các bài hát có liên quan đến chủ đề của bài học trong phần Mở rộng.

Bài Ôn tập có cấu trúc riêng. Bài Ôn tập là bài hệ thống hóa các kiến thức về mặt lí thuyết và đa dạng hóa các kiểu bài tập với tất cả các chủ đề tương ứng với bậc A2 giúp người học nắm vững những nội dung đã học.

Nhằm đáp ứng Chương trình xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học giai đoạn 2025 - 2030 của Đại học Thái Nguyên, nhóm tác giả đã xuất bản phiên bản điện tử của *Giáo trình Tiếng việt sơ cấp A2* với mong muốn người học sẽ được truy cập vào kho dữ liệu phong phú phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu.

Sách điện tử được đăng tải trên Cổng truy cập tài nguyên giáo dục mở dùng chung của Đại học Thái Nguyên và Cổng thông tin điện tử quốc gia Ebook365 (Sàn sách điện tử Quốc gia) của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Quá trình biên soạn giáo trình chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ các chuyên gia, người học để giáo trình được hoàn thiện hơn. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

Nhóm tác giả

Lê Thị Hương Giang - Ngô Thu Thủy

BẢNG KÍ HIỆU

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Hội thoại
	Bài đọc
	Từ ngữ
	Ghi chú ngữ pháp
	Luyện tập
	Mở rộng
	Viết
	Nói
	Nghe

** Ảnh trong giáo trình lấy từ nguồn Internet và một số ảnh tạo bằng AI.*

BÀI 1. ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT

- Từ vựng về chủ đề: động vật, thực vật
- Ngữ pháp:
+ Mẫu câu: *Đây/ kia là con/cây gì?*
+ Mẫu câu: *Đây/ kia là con/cây ..... / phải không?*
+ Cách dùng các từ chỉ loại: "củ", "quả", "hạt"
+ Kết cấu: *Mặc dù ... nhưng*
+ Kết cấu: *Không những... mà còn...*
+ Cách dùng *…có thể... được không?*
+ Cách dùng động từ có hai bổ ngữ*: đưa, gửi, trao, tặng, biếu*

1. Hội thoại

1.1. Nghe hội thoại sau:

Quét mã QR, nghe file *Audio.01*

1.2. Đọc lại hội thoại và trả lời câu hỏi:

Mai: Lan ơi, mở cổng cho tớ với!

Lan: Chào Mai, Mai vào nhà chơi đi!

Mai: Ôi, cây hoa này đẹp thế! Đây là hoa hồng leo phải không?

Lan: Ừ, mẹ mình trồng đấy. Đây là một giống hồng nội, có thân mềm, có gai, có thể leo được từ 2 tới 3m. Tớ tặng cậu một dây hoa nhé!

Mai: Thích quá, cảm ơn cậu!

Mà nhà cậu nuôi nhiều con vật đáng yêu thế!

Lan: Nhà tớ không những nuôi chó, mèo mà còn nuôi cả gà và cá cảnh nữa đấy!

Mai: Giống chó này lạ quá! Nó là chó gì thế?

Lan: Đây là chó phốc lai Nhật cậu ạ. Lông nó cực dày và mềm mượt.

Mai: Đẹp quá! Tớ có thể bế nó được không?

Lan: Được chứ.

a. Lan đến nhà Mai chơi phải không?

.....

b. Nhà Lan trồng hoa gì?

.....

c. Nhà Lan nuôi những con gì?

.....

1.3. Đóng vai các nhân vật trong hội thoại và luyện nói.

2. Bài đọc

2.1. Bài đọc 1

Mi Nô là một chú chó nhỏ nhắn với bộ lông xù trắng muốt, mềm mại như bông tuyết. Mõm của Mi Nô ngắn ngủn, càng làm nổi bật chóp mũi đen ươn ướt đầy tinh nghịch. Đôi mắt đen láy, to tròn của Mi Nô như hai viên ngọc, lúc nào cũng lấp lánh sự hiếu kì và đáng yêu. Đôi chân ngắn cũn cỡn, kết hợp với chiếc đuôi cong vút như đuôi sóc, tạo nên dáng vẻ ngộ nghĩnh và đáng yêu. Mi Nô thực sự là một người bạn bốn chân tuyệt vời, luôn mang lại niềm vui và sự ấm áp cho mọi người xung quanh.

Đọc bài đọc và điền Đ (câu đúng), S (câu sai) vào những câu sau:

a. Đoạn văn miêu tả con mèo có tên Mi Nô ☐

b. Mi Nô có bộ lông xù màu trắng ☐

c. Hai mắt của Mi Nô màu nâu, giống hai hạt nhãn ☐

d. Chân của Mi Nô rất ngắn ☐

2.2. Bài đọc 2

Sân trường em có một cây phượng lớn. Thân cây to và có vỏ xù xì màu nâu sẫm. Cành cây rất chắc khỏe và xum xuê lá xanh. Nhìn từ xa, cây phượng trông giống như một người vệ sĩ khổng lồ. Hoa phượng mọc thành chùm, có màu đỏ rực như những chùm lửa. Khi mùa hoa nở, ngôi trường như được mặc một chiếc áo mới rực rỡ.

Đọc bài đọc và trả lời câu hỏi sau:

a. Thân cây phượng có đặc điểm gì?

.....

b. Nhìn từ xa, cây phượng giống với ai?

.....

c. Tại sao hoa phượng được ví là "những chùm lửa"?

.....

3. Từ ngữ

con gà	rau muống	mình
con mèo	rau cải	đầu
con chó	rau mồng tơi	cánh
con lợn	su hào	chân
con vịt	cà rốt	đuôi
con bò	cây táo	lá
con hổ	cây khế	quả
con cá	cây bằng lăng	thân
	cây phượng	rễ

** Giới thiệu về các loài động vật*

** Giới thiệu về các loại cây*

Cây rau

Cây ăn quả

Cây bóng mát

Cây hoa

** Giới thiệu về một số loại thực vật quen thuộc ở Việt Nam*

rau bắp cải

rau muống

củ cà rốt

bắp ngô

quả nhãn

quả khế

quả chuối

quả cam

cây phượng

cây bằng lăng

hoa sen

hoa hồng

hoa đào

hoa hướng dương

4. Ghi chú ngữ pháp

4.1. Mẫu câu hỏi về con vật

Cách 1:

Đây là con gì?
Kia là con gì?

Ví dụ:

- *Đây là con gì?*

+ Đây là con mèo (ạ).

- *Kia là con gì?*

+ Kia là con chim sẻ (ạ).

Cách 2:

Đây là con..... phải không?
Kia là con ..... phải không?

Ví dụ:

- *Đây là con lợn phải không?*

+ Phải (ạ)!

- Kia là con hổ phải không?

+ Không. Kia là con sư tử.

4.2. Mẫu câu hỏi về các loại cây

Đây là cây gì? *Kia là cây gì?*

Đây là cây..... phải không? *Kia là cây ..... phải không?*

Ví dụ:

- Đây là cây gì?

+ Đây là cây rau muống.

- Kia là cây hoa phượng phải không?

+ Không, kia là cây hoa ban (đấy).

4.3. Cách dùng các từ: *"củ", "quả", "hạt":* thường đứng trước danh từ để biểu thị sự vật riêng lẻ

- "củ": bộ phận dinh dưỡng của các loại dây, cây, ở dưới mặt đất, ngày càng to dần: *củ cà rốt, củ su hào, củ khoai tây, củ tỏi…*

- "quả" (còn gọi là "trái"): bộ phận của cây do bầu nhuỵ hoa phát triển thành, bên trong thường chứa hạt: *quả nhãn, quả cam, quả đào, quả táo…*

- "hạt": bộ phận nằm trong quả, nảy mầm thì cho cây con: *hạt nhãn, hạt đào, hạt lựu, hạt táo….*; từ dùng để gọi các vật nhỏ, tròn: *hạt vừng, hạt gạo, hạt ngô, hạt cát, hạt mưa, hạt ngọc…*

Ví dụ:

- Đây là quả gì? *+ Đây là quả chuối.*	*- Kia là củ gì?* *+ Kia là củ khoai lang.*
- Đây là quả cam hay quả bưởi? *+ Đây là quả cam.*	*- Kia là củ hành phải không?* *+ Không, kia là củ tỏi.*

4.4. Kết cấu: *Mặc dù ... nhưng* biểu thị quan hệ tương phản

Mặc dù/Dù/Tuy + [*chủ ngữ 1* + *vị ngữ 1*] + *nhưng* + [*chủ ngữ 2* + *vị ngữ 2*]

Ví dụ:

- Mặc dù bố mẹ không đồng ý nhưng Mai vẫn thích nuôi mèo.

<u>* Lưu ý:</u>

+ Có thể đảo vị trí giữa hai vế câu ghép, khi đó từ "nhưng" bị lược bỏ

Ví dụ: *Mai vẫn thích nuôi mèo mặc dù bố mẹ không đồng ý.*

+ Có thể lược một chủ ngữ nếu hai chủ ngữ trùng nhau

Ví dụ: *Tuy bận rộn nhưng cô ấy vẫn dành nhiều thời gian để trồng hoa.*

+ Có thể dùng các kết cấu tương đương: *Tuy…. nhưng/ Dù…..nhưng*

Ví dụ: *Dù nắng nóng kéo dài nhưng vườn rau vẫn xanh tốt.*

4.5. Kết cấu: *Không những... mà còn...* là cặp quan hệ từ biểu thị quan hệ bổ sung

Chủ ngữ + không những + vị ngữ 1 + mà còn + vị ngữ 2

Ví dụ:

- *Nhà Lan không những nuôi chó, mèo mà còn nuôi cả gà và cá nữa đấy!*
- *Hùng không những trồng hoa đào mà còn trồng cả hoa mai trong vườn.*

<u>* Lưu ý</u>*:* có thể sử dụng kết cấu tương đương: *chẳng những….mà (còn); không chỉ…mà (còn)*

4.6. Kết cấu: *…có thể… được không?* dùng để thể hiện yêu cầu/ đề nghị một cách lịch sự

Chủ ngữ + có thể + động từ + bổ ngữ 1 + (bổ ngữ 2) + được không?

Ví dụ:

- *Bạn có thể giới thiệu về con vật này cho tớ được không?*
- *Tớ có thể xin giống hoa này về trồng được không?*

4.7. Cách dùng động từ có hai bổ ngữ*: đưa, gửi, trao, tặng, biếu*

- Bổ ngữ là thành phần phụ bổ nghĩa cho động từ hoặc tính từ. Các động từ *đưa, gửi, trao, tặng, biếu* luôn có hai bổ ngữ, để thể hiện hành động chuyển sự vật/đồ vật từ người này sang người khác và thể hiện tình cảm của người chuyển (tùy theo ngữ cảnh).

Chủ ngữ + đưa, gửi, trao, tặng, biếu + (cho) ai + cái gì

Ví dụ: *Anh ấy tặng (cho) tôi một bó hoa hồng đỏ.*

Chủ ngữ + đưa, gửi, trao, tặng, biếu + cái gì + cho ai

Ví dụ: *Anh ấy tặng một bó hoa hồng đỏ cho tôi.*

- Động từ "đưa": giao đồ vật/sự vật cho người khác (*đưa quyển sách, đưa tiền…*)

Ví dụ: *Cô ấy đưa cho tôi một kg ổi.*

- Động từ "gửi": chuyển đến người khác, nơi khác, có thể qua khâu trung gian (*gửi quà, gửi bưu phẩm…)*

Ví dụ: *Mẹ đã gửi hoa cho bà nội chưa ạ?*

- Động từ "trao": đưa tận tay cho người khác với thái độ tin cậy, trân trọng (*trao chìa khóa, trao giải thưởng*)

Ví dụ: *Chúng tôi trao cho họ số tiền ủng hộ của mọi người.*

- Động từ "tặng": (trang trọng) cho, trao cho nhằm khen ngợi, khuyến khích hoặc để tỏ lòng quý mến (*tặng hoa, tặng quà, tặng bằng khen)*

Ví dụ: *Nhân ngày sinh nhật Bảo Anh, bố đã tặng bé một chú mèo con.*

- Động từ "biếu": (trang trọng) cho, tặng (thường người thuộc hàng trên, bậc trên) (*sách biếu thầy, quà biếu mẹ)*

Ví dụ: *Mai con mang biếu hộp bánh này cho ông ngoại nhé!*

5. Luyện tập

5.1. Nhìn các tranh sau và hỏi về các loài động vật

Ví dụ:

- *Đây là con gì?*

+ Đây là con gà

- *Kia là con gì?*

+ Kia là con khỉ

1.

2.

3.

4.

5.

5.2. Nhìn các tranh sau và hỏi về thực vật

Ví dụ:

- *Đây là cây gì?*

+ *Đây là cây rau muống.*

- *Kia là củ gì?*

+ *Kia là củ tỏi.*

1.

2.

3.

4.

5.

6.

5.3. Kể về con vật mà bạn yêu thích nhất.

5.4. Kể về một số loài cây mà bạn biết.

5.5. Chọn từ ngữ thích hợp trong bảng sau để điền vào chỗ trống:

kia	*cây hoa ban*	*con vịt*	*bên hồ*	*được không*
Nó	*có thể*	*tặng*	*dưới nước*	*màu tím*

Khăm The: Trung ơi, đây là con gì?

Trung: Đây là (1)……., Khăm The ạ.

Khăm The: (2)…… sống ở trên cạn phải không?

Trung: Không, nó sống ở (3)…….

Khăm The: Thế (4)……. là cây gì?

Trung: (5)…… Khăm The ạ. Loại cây này trường mình trồng nhiều lắm.

Khăm The: Hoa (6)……. đẹp quá! Tớ nhớ rồi, cây này được trồng rất nhiều ở (7) …… đúng không?

Trung: Đúng rồi đấy!

Khăm The: Cậu (8)…… xin cho tớ một cây giống, tớ mang về Lào trồng (9)……?

Trung: Tớ sẽ (10)…… cậu hai cây nhé!

Khăm The: Cảm ơn cậu rất nhiều!

5.6. Xác định câu Đúng (Đ)/ Sai (S) trong các câu sau đây:

1. Kia có phải là con mèo phải không? ☐
2. Vâng. Đây là cái cà rốt ạ. ☐
3. Mặc dù Lan học rất giỏi nhưng Lan lại hát rất hay. ☐
4. Tôi không những thích nuôi chim mà còn thích câu cá. ☐
5. Cây này trong tiếng Việt gọi là cây ổi. ☐
6. Bạn cho mình chơi con mèo này với được không? ☐
7. Bà biếu cháu một cây hoa rất đẹp! ☐

5.7 Hãy miêu tả về một loại cây xanh và một con vật quanh bạn, theo gợi ý sau:

Cây xanh: cây……..

Đặc điểm:

.....

.....

Lợi ích:

.....

.....

Chăm sóc và bảo vệ:

.....

.....

Con vật: con……

Đặc điểm:

……

……

..

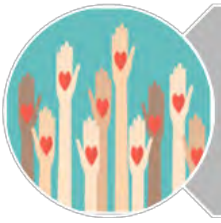

Lợi ích:

……

……

..

Chăm sóc và bảo vệ:

……

……

6. Mở rộng

6.1. Đọc bài đọc sau:

EM YÊU NHÀ EM

Chẳng đâu bằng chính nhà em
Có đàn chim sẻ bên thềm líu lo
Có nàng gà mái hoa mơ
Cục ta, cục tác khi vừa đẻ xong
Có bà chuối mật lưng ong
Có ông ngô bắp râu hồng như tơ
Có ao muống với cá cờ
Em là chị Tấm đợi chờ bống lên
Có đầm ngào ngạt hoa senẾch con học nhạc, dế mèn ngâm thơ
Dù đi xa thật là xa
Chẳng đâu vui được như nhà của em.

(*Đoàn Thị Lam Luyến*)

6.2. Tìm các từ ngữ theo yêu cầu

1. Tìm những từ ngữ gọi tên các con vật, loài cây trong bài thơ

con vật	…… …..…… ....……
loài cây	…… …..…… …… …… ……

2. Tìm những từ ngữ chỉ đặc điểm của các con vật, loài cây trong bài thơ

Tên con vật/ loài cây	**Đặc điểm nổi bật được nhắc đến trong bài thơ**
chim sẻ	…… …..…….. ……
gà mái hoa mơ	…… …..…….. ……
ếch con	…… …..…….. ……
ngô bắp	…… …..…….. ……
hoa sen	…… …..…….. ……

6.3. Nghe bài hát

Liên khúc những con vật đáng yêu - Remix Dance (ca sĩ Bào Ngư)

Nguồn: Youtube Bào Ngư (https://www.youtube.com/watch?v=0ylKp5BKxfI).

Yêu cầu: Ghi lại tên các con vật trong bài hát.

6.4. Tục ngữ: "*Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ*"

Câu tục ngữ này khuyên mỗi người trong tập thể cần biết yêu thương, gắn bó, đoàn kết, quan tâm lẫn nhau.

BÀI 2. THỜI GIAN

- Từ vựng về chủ đề: *Thời gian*
- Ngữ pháp*:*
+ Mẫu câu*: Hôm nay/ ngày mai + là + thứ mấy?*
+ Mẫu câu: *Hôm nay là ngày mồng mấy/ ngày bao nhiêu?*
+ Mẫu câu: *Bây giờ + là + mấy giờ?*
+ Kết cấu: *hằng+ngày/ tuần/ tháng/ năm*

1. Hội thoại

1.1. Nghe hội thoại sau:

Quét mã QR, nghe file *Audio.02*

1.2. Đọc lại hội thoại và trả lời câu hỏi

Khăm The: Chào Khan Thaly, chào Khin Chay nhé!

Khin Chay: Chào Khăm The. Hôm nay bạn đi học sớm thế?

Khăm The: Bây giờ là mấy giờ nhỉ? Sáng nay mình đưa bố mình ra bến xe để bố mình về quê thăm bà nên mình đến lớp luôn. Mà sao hai bạn cũng đến lớp sớm thế?

Khin Chay: Bây giờ mới có 6 giờ 30 phút thôi Khăm The ạ. Tớ và Khan Thaly hôm nay trực nhật nên chúng tớ đến sớm.

Khăm The: Mà hôm nay là thứ mấy nhỉ? Hình như hôm nay thầy dặn có bài kiểm tra 15 phút môn Toán phải không các bạn?

Khan Thaly: Hôm nay là thứ tư, thứ năm mới kiểm tra mà.

Khăm The: May quá, có hai bài hôm qua tớ còn băn khoăn không biết đã làm đúng chưa, hôm nay phải hỏi lại thầy mới được.

Khan Thaly: Có phải bài 5 và bài 7 không? Tớ cũng đang băn khoăn về lời giải. Cả tuần nay, môn nào cũng nhiều bài tập quá.

a. Hội thoại trên có mấy người? Đó là những ai?

.....

.....

.....

.....

.....

b. Thứ tư kiểm tra 15 phút môn Toán phải không?

.....

.....

.....

.....

.....

c. Vì sao Khin Chay và Khan Thaly đến lớp sớm?

.....

.....

.....

.....

.....

1.3. Đóng vai các nhân vật trong hội thoại và luyện nói.

2. Bài đọc

2.1. Đọc bài đọc sau:

MỘT NGÀY CỦA ÔNG MINH

Ông Minh năm nay đã gần 70 tuổi nhưng ông vẫn còn khỏe khoắn và minh mẫn. Trước kia, khi còn đang công tác, ông luôn dậy sớm. Hằng ngày, ông thường ngủ dậy lúc 5 giờ 30 phút rồi tập thể dục từ 5 giờ 45 phút đến 6 giờ 15 phút, sau đó mới ăn sáng. Đến 7 rưỡi, ông xem tivi, đọc báo và chăm sóc cây cảnh. Ông Minh rất thích uống trà xanh. Mỗi sáng ông đều uống trà xanh Thái Nguyên cùng các ông bạn hàng xóm. Tính tình ông Minh rất vui vẻ nên mọi người đều yêu mến ông ấy. 10 giờ 15 phút hằng ngày, ông đi đón cháu đi học về. 11 giờ 30 phút, ăn cơm trưa xong, ông Minh ngủ trưa 30 phút. Buổi chiều, khoảng 16 giờ hơn ông lại đi bộ dọc đường xóm. Vừa đi ông vừa đếm. Buổi tối, ông Minh thường đọc sách đến 21 giờ 30 rồi mới đi ngủ.

2.2. Dựa vào thông tin bài Đọc, hãy xác định câu Đúng (Đ)/ Sai (S)

a. Ông Minh thường xuyên tập thể dục vào sáng sớm. ☐

b. 10 giờ 15 phút hằng ngày, ông Minh không đón cháu vì bận đi họp. ☐

c. Ông Minh không khỏe. ☐

d. Ông Minh khó tính. ☐

e. Ông Minh ngủ dậy rất muộn. ☐

3. Từ ngữ

khỏe khoắn	thường xuyên	hơn (giờ)
minh mẫn	mỗi sáng	kém (giờ)
tập thể dục	thứ	mùng/ mồng
buổi sáng	ngày	tháng trước
buổi trưa	tuần	tháng sau
buổi chiều	tháng	trước kia
buổi tối	năm	cách đây
hôm nào	âm lịch	
hằng ngày	dương lịch	

4. Ghi chú ngữ pháp

4.1. Mẫu câu dùng để hỏi về thứ trong tuần

Hôm nay/ ngày mai + là + thứ mấy?

Có nhiều cách hỏi thứ:

Ví dụ: - *Hôm nay là thứ mấy?*

+ *Hôm nay là thứ hai.*

+ *Thứ hai (ạ)!*

- *Hôm nay là thứ hai phải không?*

+ *Không. Hôm nay là thứ ba.*

+ *Phải. Hôm nay là thứ hai.*

* Lưu ý:

- Trong hoàn cảnh có tính nghi thức, để thể hiện sự tôn trọng, lịch sự, câu hỏi có thể thêm đối tượng được hỏi:

Ví dụ:

Cô/ anh/ chị làm ơn cho tôi/ em/ cháu hỏi, hôm nay là thứ mấy?

Hoặc: *Chị/ anh ơi, hôm nay là thứ mấy?*

Em cho chị hỏi hôm nay là thứ mấy? (trường hợp nói với người ít tuổi hơn).

- Khi thân mật, người Việt có thể dùng các câu hỏi khuyết đối tượng được hỏi:

Ví dụ: *Hôm nay là thứ mấy nhỉ? Không biết hôm nay là thứ mấy?*

4.2. Mẫu câu: dùng để hỏi về ngày trong tháng

Hôm nay là ngày mồng mấy/ ngày bao nhiêu?

- *mồng/ mùng + số thứ tự:* là cách dùng để hỏi, để gọi tên mười ngày đầu trong một tháng: ngày mồng/ mùng 1, ngày mồng/ mùng 2,..., ngày mồng/mùng 10. Kết cấu này thường dùng trong khẩu ngữ.

Ví dụ: - *Hôm nay ngày mùng/mồng mấy?*

+ *Hôm nay ngày mùng/mồng 3.*

Chú ý: Có thể hỏi cả thứ, ngày, tháng:

Mẫu câu: - *Hôm nay là thứ mấy, ngày bao nhiêu, tháng bao nhiêu?*

+ *Hôm nay là thứ ba, ngày 20 tháng 3.*

* Cách dùng từ ngữ chỉ ngày

Hôm kìa	Hôm kia	Hôm qua	**Hôm nay**	Ngày mai	Ngày kia	Ngày kìa
Quá khứ			***Hiện tại***	***Tương lai***		
Ngày 12	*Ngày 13*	*Ngày 14*	Ngày 15	*Ngày 16*	*Ngày 17*	*Ngày 18*

***** Cách dùng phó từ chỉ thời gian: *đã, sẽ, đang:* các phó từ này thường đứng trước động từ bổ sung ý nghĩa cho động từ.

- …*đã + động từ/tính từ*: biểu thị trạng thái, tính chất đã diễn ra (thường đi kèm trạng từ chỉ thời gian trong quá khứ.

Ví dụ: *Hôm qua, tôi đã thi xong.*

Lúc ấy, họ đã nghỉ trưa.

Mới tháng 9 mà trời đã lạnh.

Lưu ý: *rồi* thường đứng ở sau động từ hoặc cuối câu. Khi sử dụng *rồi* có thể bỏ *đã* mà ý nghĩa của câu không thay đổi.

Ví dụ: *Tôi học bài rồi.*

- *đang + động từ*: biểu thị hành động đang diễn ra tại thời điểm nói (có thể đi kèm với trạng từ chỉ thời gian ở hiện tại)

Ví dụ: *Tôi đang học bài*

- *sẽ + động từ:* biểu thị hành động xảy ra trong tương lai (thường đi kèm trạng từ chỉ thời gian trong tương lai).

Ví dụ: *Ngày mai, tôi sẽ đi thư viện.*

4.3. Mẫu câu dùng để hỏi về thời gian trong ngày tại thời điểm hỏi

Bây giờ là mấy giờ?

Ví dụ: - *Bây giờ là mấy giờ (rồi)?*

+ Bây giờ là 8 giờ.

** Cách nói thời gian: Số đếm + giờ + số đếm + (phút)*

Ví dụ: - 7 giờ = 7 giờ đúng

- 7 giờ 30 (phút) = 7 rưỡi
- 7 giờ 50 (phút) = 8 giờ kém 10 (phút)

** Cách nói thời gian trong ngày (buổi sáng, buổi trưa, buổi tối...)*

Buổi sáng	Từ 1 giờ đến 10 giờ	VD: 6 giờ 30 (sáng)
Buổi trưa	Từ 11 giờ đến 12 giờ	VD: 12 rưỡi (trưa)
Buổi chiều	Từ 13 giờ đến 18 giờ	VD: 17 giờ 15 = 5 giờ 15 phút (chiều)
Buổi tối	Từ 19 giờ đến 22 giờ	VD: 21 giờ 30 = 9 rưỡi (tối)
Ban đêm	Từ 22 giờ đến 24 giờ	VD: 24 giờ = 12 giờ (đêm); 0 giờ

24 giờ	12 giờ		24 giờ	12 giờ
00:00	12:00 a.m. (bắt đầu một ngày)/ "nửa đêm"		13:00	1:00 p.m.
			14:00	2:00 p.m.
			15:00	3:00 p.m.
01:00	1:00 a.m.		16:00	4:00 p.m.
02:00	2:00 a.m.		17:00	5:00 p.m.
03:00	3:00 a.m.		18:00	6:00 p.m.
04:00	4:00 a.m.		19:00	7:00 p.m.
05:00	5:00 a.m.		20:00	8:00 p.m.
06:00	6:00 a.m.		21:00	9:00 p.m.
07:00	7:00 a.m.		22:00	10:00 p.m.
08:00	8:00 a.m.		23:00	11:00 p.m.
09:00	9:00 a.m.		24:00	("nửa đêm")* (kết thúc một ngày)
10:00	10:00 a.m.			
11:00	11:00 a.m.			
12:00	12:00 p.m. 12 giờ trưa			
Theo https://vi.wikipedia.org				

4.4. Kết cấu dùng để biểu thị một hành động/ tính chất/ sự việc nào đó diễn ra lặp lại có tính chất định kì

hằng +ngày/ tuần/ tháng/ năm

Ví dụ:

- *Hằng ngày, ông Minh đều tập thể dục.*

= Ông Minh ngày nào cũng tập thể dục.

- *Tôi hay đi thư viện vào thứ 7 hằng tuần.*

= Tuần nào, tôi cũng đi thư viện vào thứ 7.

- *Mẹ gửi tiền cho tôi hằng tháng.*

= Tháng nào mẹ cũng gửi tiền cho tôi.

- *Hằng năm, tôi đều đi du lịch nước ngoài.*

= Năm nào tôi cũng đi du lịch nước ngoài.

5. Luyện tập

5.1. Nhìn các tranh sau và tập hỏi về thời gian

* Hỏi về giờ

Ví dụ: - *Bây giờ là mấy giờ?*

+ *Bây giờ là 7 giờ.*

* Hỏi về thứ, ngày, tháng, năm

Ví dụ: 1/*Hôm nay là thứ mấy?*

Hôm nay là thứ bảy.

2/ Hôm nay là thứ bảy phải không?

Đúng/ Vâng (ạ). Hôm nay là thứ bảy.

3/ Hôm nay là ngày bao nhiêu?

Hôm nay là ngày mùng 1 tháng 4.

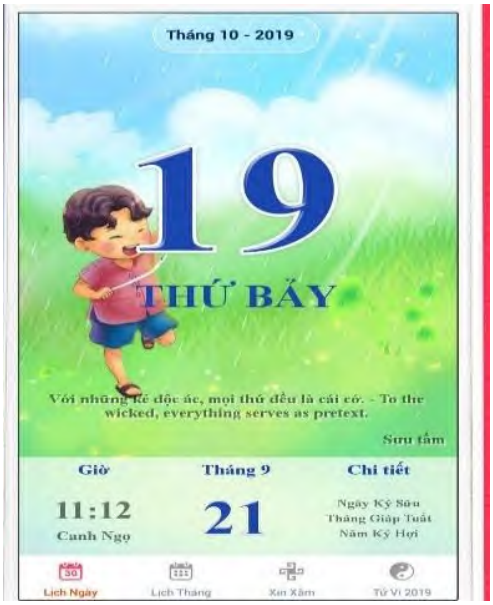

THÁNG 4 NĂM 2021						
THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
			1 20/2	2 21	3 22	4 23
5 24	6 25	7 26	8 27	9 28	10 29	11 30
12 1/3	13 2	14 3	15 4	16 5	17 6	18 7
19 8	20 9	21 10	22 11	23 12	24 13	25 14
26 15	27 16	28 17	29 18	30 19		

a.

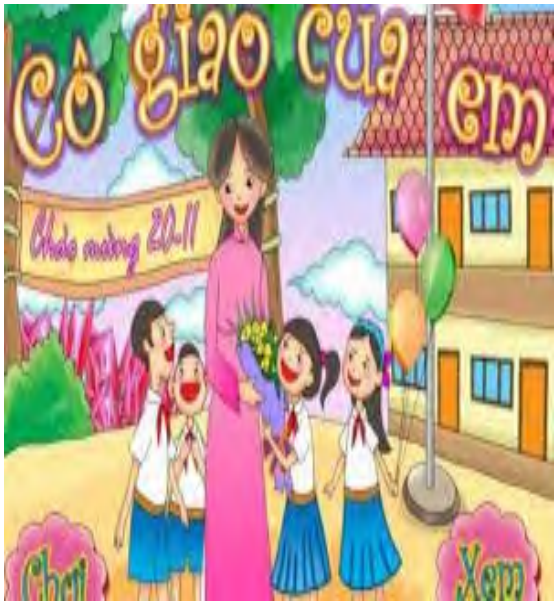

a.

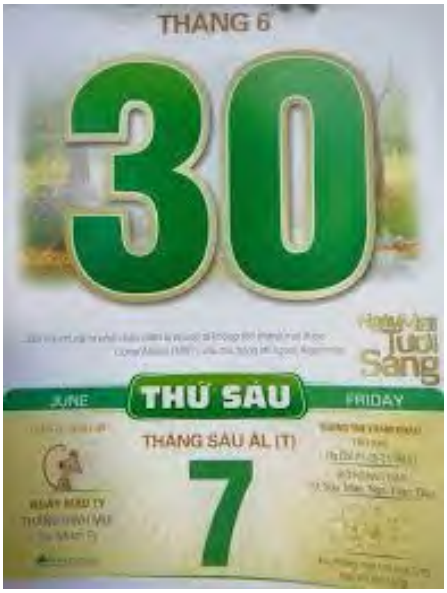

b.

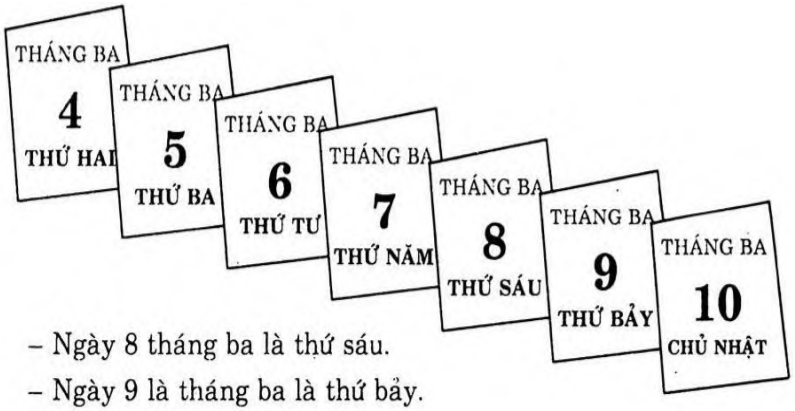

– Ngày 8 tháng ba là thứ sáu.
– Ngày 9 là tháng ba là thứ bảy.
– Chủ nhật là ngày 10 tháng ba.
– Thứ năm là ngày 7 tháng ba.

d.

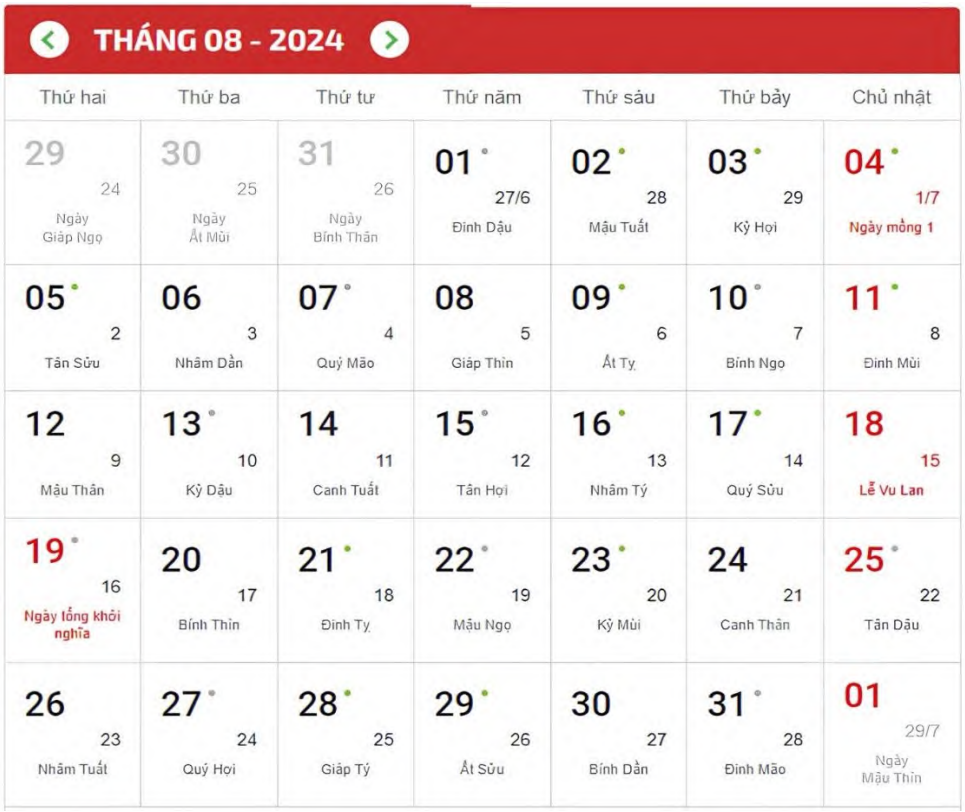

THÁNG 08 - 2024						
Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
29 24 Ngày Giáp Ngọ	30 25 Ngày Ất Mùi	31 26 Ngày Bính Thân	01 27/6 Đinh Dậu	02 28 Mậu Tuất	03 29 Kỷ Hợi	04 1/7 Ngày mồng 1
05 2 Tân Sửu	06 3 Nhâm Dần	07 4 Quý Mão	08 5 Giáp Thìn	09 6 Ất Tỵ	10 7 Bính Ngọ	11 8 Đinh Mùi
12 9 Mậu Thân	13 10 Kỷ Dậu	14 11 Canh Tuất	15 12 Tân Hợi	16 13 Nhâm Tý	17 14 Quý Sửu	18 15 Lễ Vu Lan
19 16 Ngày tổng khởi nghĩa	20 17 Bính Thìn	21 18 Đinh Tỵ	22 19 Mậu Ngọ	23 20 Kỷ Mùi	24 21 Canh Thân	25 22 Tân Dậu
26 23 Nhâm Tuất	27 24 Quý Hợi	28 25 Giáp Tý	29 26 Ất Sửu	30 27 Bính Dần	31 28 Đinh Mão	01 29/7 Ngày Mậu Thìn

5.2. Em hãy nói với cô giáo và cả lớp thông tin về ngày tháng năm hiện tại.

5.3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

1. Hội thoại 1:

Minh: Hùng ơi, bây giờ.....giờ?

Hùng: .....là 7 giờ.

Minh: Mấy .....bạn đi học?

Hùng: Tám.....kém mười.

2. Hội thoại 2:

Lan: Hoa ơi, hôm nay là ngày mồng.....?

Hoa: .....là.....mồng 8.

Lan: Ngày mai là ngày sinh nhật Hoa nhỉ?

Hoa: Ừ, ngày.....là sinh nhật mình rồi. Mai bạn có đi làm không?

Lan: Tớ có, nhưng tớ sẽ về sớm. Khoảng 16.....tớ về nhé.

5.4. Chọn các từ dưới đây điền vào chỗ trống

năm	*sẽ*	*mồng*	*mấy*
tháng	*ngày*	*hằng*	*sau*

1. Ông Minh .....về Việt Nam ngày.....chín tháng sau.

2. Hôm nay là..... mười sáu.....năm.

3. Tháng hai.....sau, chú ấy sẽ đi Hà Nội.

4. Tuần....., bà ấy sẽ đi công tác ở Lào.

5. Bây giờ là.....giờ rồi?

6. .....ngày, cô ấy đều dậy lúc 5 giờ.

5.5. Trả lời câu hỏi

1. Hằng ngày, em ngủ dậy lúc mấy giờ?

.....

.....

.....

2. Em có thường tập thể dục buổi sáng không?

.....

.....

.....

3. Mấy giờ em đi học?

.....

.....

.....

.....

4. Buổi chiều em thường làm gì?

.....

.....

.....

5. Buổi tối em thường làm gì?

.....

.....

.....

6. Em đi ngủ lúc mấy giờ?

.....

.....

.....

5.6. Thực hành hỏi ngày tháng trong bức ảnh sau:

5.7. Viết các khung giờ tương ứng với các đồng hồ sau:

.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....

5.8. Điền các từ ngữ chỉ thời gian trong quá khứ vào các câu sau:

1. ……., chúng tôi đã thi xong môn Tiếng Việt Sơ cấp A2.
2. Chị ấy đã sang Việt Nam 2 tuần……..
3. Cô ấy đã chuyển công tác từ tháng 7 năm…….
4. ……., chúng tôi đã đi tham quan Vịnh Hạ Long.
5. ……., mẹ tôi gọi điện cho tôi bảo là hôm nay mẹ tôi sẽ sang Việt Nam.
6. Tôi tốt nghiệp đại học 2 năm…….

6. Mở rộng

6.1. Nghe bài hát

Bài hát về các ngày trong tuần

Nguồn: Youtube Trường tiểu học Đông Thái (https://www.youtube.com/watch?v=CfNvI-L06sI)

Yêu cầu: ghi lại các hoạt động mà các bạn nhỏ thực hiện trong video.

6.2. Nghe bài hát

Hát vui cùng chiếc đồng hồ

Nguồn: Youtube Trường tiểu học Đông Thái (https://www.youtube.com/watch?v=DAaUv7oRPq8)

Yêu cầu: ghi lại các giờ em nghe được trong video.

6.3. Thời gian là vàng

Tài nguyên lớn nhất và có giá trị nhất của con người chính là thời gian. Thời gian là vàng. Bởi thế, không có sự tiết kiệm nào ý nghĩa bằng việc tiết kiệm thời gian. Tiết kiệm thời gian là sử dụng thời gian cho những công việc phù hợp, ý nghĩa trong cuộc sống của mỗi chúng ta.

BÀI 3. THỜI TIẾT

- Từ vựng về chủ đề *thời tiết*

- Ngữ pháp*:*

+ Mẫu câu: *Từ chỉ thời gian (hôm nay, ngày mai…) + thời tiết + (như) thế nào*?

+ Cách dùng từ chỉ sự tồn tại: *có, còn, xuất hiện, biến mất...*

+ Cách dùng các phó từ: *khá, tương đối, không...lắm*

+ Cách dùng: *thế mà/ vậy mà/ ấy thế mà*

+ Kết cấu: *càng ... càng* (*càng ngày càng)*

+ Kết cấu: *động từ + xem/ thử xem (thử +động từ +xem)*

1. Hội thoại

1.1. Nghe hội thoại sau:

Quét mã QR, nghe file *Audio.03*

1.2. Đọc lại hội thoại và trả lời câu hỏi:

Trang: Anh Nam ơi, ngày mai gia đình mình đi chơi ở đâu ạ?

Nam: Mai mình sẽ đi khu du lịch "Chè Tân Cương" em ạ.

Trang: Ôi, thích quá! Hi vọng là mai trời không mưa, để còn được chụp ảnh.

Nam: Hôm nay trời rất đẹp mà, có nắng và gió mát.

Trang: Thế dự báo thời tiết ngày mai như thế nào hả anh?

Nam: Mấy hôm tới sẽ không mưa, khá râm mát em ạ.

Trang: Anh có nhớ lần trước anh em mình định đi bể bơi không? Buổi sáng trời nắng rực rỡ, ấy thế mà đến chiều lại mưa to, chán ơi là chán!

Nam: Anh nghĩ là ngày mai trời sẽ đẹp. Càng gần mùa thu, thời tiết sẽ càng mát mẻ.

Trang: Chiều nay, anh đưa em đi mua đồ được không? Em muốn mua một bộ váy.

Nam: Được chứ. Em gái anh càng ngày càng xinh đẹp đấy!

a. Trong đoạn hội thoại, thời tiết "hôm nay" được miêu tả thế nào?

.....
….....

b. Dự báo thời tiết "ngày mai" thế nào?

.....
….....

c. "Buổi chiều" ngày mà hai anh em định đi bơi, thời tiết thế nào?

.....
….....

1.3. Đóng vai các nhân vật trong hội thoại và luyện nói.

2. Bài đọc

2.1. Đọc bài đọc sau:

Hà Nội có kiểu thời tiết đặc trưng ở miền Bắc với 4 mùa xuân, hạ, thu, đông rõ rệt. Mùa hè không khí oi bức, ngột ngạt, nắng gắt; mùa đông ngược lại hanh khô, rét giá với những đợt gió mùa Đông Bắc; mùa xuân ẩm thấp mưa phùn. Vậy nên mùa thu Hà Nội là thời điểm lãng mạn nhất trong năm với tiết trời nhẹ nhàng, mưa ít dần, trời không quá nắng gắt, không quá giá lạnh.

Từ tháng 9 tới tháng 11 là khoảng thời gian ngắn ngủi của mùa thu Hà Nội. Đầu thu nắng nhẹ mơ màng, cuối thu trời se se lạnh dễ chịu. Du lịch Hà Nội dịp này bạn sẽ dễ dàng tham gia những tour đi bộ, đạp xe, ngồi xích lô, xe điện tham quan xung quanh thành phố trong không gian dịu nhẹ của tiết thu.

Một trong những "đặc sản" của mùa thu Hà Nội là hương hoa sữa bay

dọc khắp phố phường. Thứ hương thơm khi thì thoang thoảng khi lại ngào ngạt cộng với tiết thu dịu nhẹ của Hà Nội làm cho du khách càng thêm vấn vương… Thu Hà Nội còn đến từ những con đường vào mùa đổ lá. Lang thang trên vỉa hè đường Phan Đình Phùng, đường Trần Phú, đường Ngô Quyền, đường Hoàng Diệu, sẽ cảm thấy thu về trong lòng phố, thu về từ bầu trời dịu nhẹ, từ không gian mơ màng, và những chiếc lá rời cành trải thảm vàng dưới chân du khách.

…Có thể nói, Hà Nội không có mùa thu như cô gái thiếu đi nét duyên thầm. Những đặc trưng mùa thu khiến du khách đến với Hà Nội mà ngẩn ngơ trước một vẻ đẹp kín đáo mà duyên dáng đầy cuốn hút.

("Những đặc trưng mùa thu Hà Nội níu chân du khách" -

https://kinhnghiemditour.com/nhung-dac-trung-mua-thu-ha-noi-niu-chan-du-khach.html)

2.2. Dựa vào nội dung bài đọc, chọn một đáp án đúng nhất

Câu 1: Mùa hè, thời tiết ở Hà Nội thế nào?

A. hanh khô, rét giá

B. ẩm thấp mưa phùn

C. oi bức, ngột ngạt

D. se lạnh, dễ chịu

Câu 2: Vào mùa thu, khí hậu ở Hà Nội như thế nào?

A. không quá nắng gắt, không quá giá lạnh

B. nắng gắt

C. rét giá

D. mưa phùn

Câu 3: Mùa thu Hà Nội thường diễn ra vào tháng mấy?

A. tháng 8 - tháng 11

B. tháng 9 - tháng 11

C. tháng 9 - tháng 12

D. tháng 10 - tháng 12

Câu 4: Vào mùa thu, du khách dễ dàng tham quan Hà Nội bằng phương tiện nào?

A. đi bộ, đi xe đạp

B. đi xe máy, ô tô

C. đi bộ, đi xe đạp, ngồi xích lô, xe điện

D. xe buýt

Câu 5: "Đặc sản" của mùa thu Hà Nội là gì?

A. tiết thu dịu nhẹ

B. những con đường vào mùa đổ lá

C. hương hoa sữa

D. những cô gái

3. Từ ngữ

thời tiết	mưa rào	mùa xuân
nắng	hanh khô	mùa hè
mưa	khí hậu	mùa thu
rét	nhiệt độ	mùa đông
lạnh	độ C	Đông
mát mẻ	độ ẩm	Tây
nóng nực	dự báo	Nam
oi bức		Bắc

4. Ghi chú ngữ pháp

4.1. Mẫu câu dùng để hỏi về thời tiết

Từ chỉ thời gian (hôm nay, ngày mai…) + thời tiết + (như) thế nào?

Ví dụ:

- Hôm nay, thời tiết (như) thế nào?

+ Hôm nay, trời nắng.

+ Hôm nay, trời mưa và lạnh.

4.2. Cách dùng các từ chỉ sự tồn tại: *có, còn, xuất hiện, biến mất...*

- Từ "có": biểu thị trạng thái tồn tại của sự vật, sự việc, hiện tượng: (*trong túi có tiền, trời có mưa…)*

Ví dụ:

Hôm nay trời có mưa.

Hôm nay có nắng to.

- Từ "còn": biểu thị sự tiếp diễn của một hành động, một trạng thái (*còn tiền tiêu, còn mưa…)*

Ví dụ:

Trời còn mưa to quá! (Trời đã mưa khá lâu rồi và bây giờ trời vẫn đang mưa)

Ngoài trời còn rét lắm!

- Một số từ khác tương đương: *vẫn còn, cứ, vẫn cứ* (*Tháng 4 mà trời vẫn còn se lạnh/ Trời cứ mưa suốt/ Nắng lên rồi mà trời vẫn cứ rét…*)

- Từ "xuất hiện": biểu thị trạng thái hiện ra và có thể nhìn thấy được của người, sự vật, hiện tượng (*sóng thần xuất hiện, xuất hiện mưa đá…*).

Ví dụ:

Ở miền Bắc, hiện tượng mưa đá xuất hiện.

Từ hôm nay, trên toàn miền Bắc, nắng nóng xuất hiện.

Ngày mai, mưa giông xuất hiện ở Hà Nội đấy!

+ Từ "biến mất": trái nghĩa với từ "xuất hiện": biểu thị trạng thái tiêu, tan, mất đi của sự vật, hiện tượng.

Ví dụ:

Sau 3 ngày, hiện tượng mưa đá đã biến mất.

Nắng nóng ở miền Bắc đã biến mất, thời tiết mát mẻ trở lại.

4.3. Cách dùng các phó từ: *khá, tương đối, không...lắm:* thường kết hợp với tính từ hoặc động từ chỉ cảm xúc (yêu, ghét, thích, đau...) để biểu thị mức độ trên trung bình của trạng thái tính chất/ hành động.

- Phó từ "khá": *khá vất vả, khá nắng, khá yêu thích…*

Ví dụ:

Hôm nay, trời khá rét.

Cả tuần nay, trời mưa khá nhiều.

Lưu ý: "khá" còn có thể là tính từ, biểu thị mức độ, trình độ trên trung bình (*xếp loại khá, kết quả ở mức độ khá…*) hoặc chỉ sự vật, hiện tượng ở mức độ cao tương đối, so với cái đưa ra để so sánh (*kinh tế đã khá hơn trước, cậu bé học khá hơn bạn nó…*)

- Phó từ "tương đối": *tương đối cao, tương đối nóng, tương đối ghét…*

Ví dụ:

Trời hôm nay mưa rét, đi lại tương đối vất vả đấy!

- Kết cấu *"không .... lắm": không rét lắm, không xa lắm, không đau lắm…*

Ví dụ:

Hôm nay, trời không nắng lắm.

Hôm nay, trời không rét lắm.

4.4. Cách dùng: *thế mà/ vậy mà/ ấy thế mà*: biểu thị điều sắp nêu ra là có cái gì đó bất thường, trái với điều đáng lẽ xảy ra theo quan điểm của người nói (*làm tăng ca thế mà vẫn không xong…*)

Ví dụ:

Sáng nay trời nắng thế mà chiều lại mưa.

Sáng nay trời nắng vậy mà chiều lại mưa.

Sáng nay trời nắng ấy thế mà chiều lại mưa.

4.5. Kết cấu: *càng … càng*: diễn tả mối tương quan lẫn nhau về nguyên nhân - kết quả hoặc diễn tả sự tăng hoặc giảm của sự vật, hiện tượng (*càng đi càng khỏe, càng học càng giỏi, trời càng lúc càng tối…*).

Ví dụ:

Mưa càng to, trời càng lạnh.

Trời càng nóng, tôi càng thấy khó chịu.

* Kết cấu tương đương: *càng ngày càng/ ngày càng*

"...càng ngày càng...."/ "...ngày càng...": được sử dụng để diễn tả sự việc, sự vật ngày càng tăng/giảm theo thời gian về số lượng hay chất lượng, tính chất (*Cô ấy càng ngày càng xinh đẹp, Kĩ năng lái xe của anh ấy ngày càng tiến bộ.…*)

Chủ ngữ + càng ngày càng + tính từ / động từ

Ví dụ:

Trời càng ngày càng lạnh.

Viết lại câu:

CN+ càng ngày càng + động từ/tính từ

= CN + càng + động từ/tính từ 1 + càng + động từ/tính từ 2

- Cô ấy càng ngày càng xinh đẹp.

= Cô ấy càng lớn càng xinh đẹp.

- Kĩ năng lái xe của anh ấy ngày càng tiến bộ.

= Anh ấy càng lái xe càng tiến bộ.

4.6. Kết cấu dùng trong câu cầu khiến khi muốn đề nghị, khuyến khích người khác làm một việc gì đó

động từ + xem/ thử xem (thử + động từ + xem)

Ví dụ:

Bạn thử đoán xem ngày mai thời tiết thế nào?

5. Luyện tập

5.1. Nhìn các tranh sau và hỏi về thời tiết

Ví dụ:

- Hôm nay, thời tiết thế nào?

+ Hôm nay trời khá rét.

trời nắng

trời mưa

trời rét

trời mát mẻ

5.2. Miêu tả tranh

1.

Ví dụ:
Thời tiết trong bức tranh là mùa đông. Trời đang có tuyết rơi. Có 3 người đang đi trên đường. Họ mặc trang phục mùa đông (đội mũ len, quàng khăn, đi găng tay…). Mặc dù trời lạnh nhưng nhìn họ rất ấm áp và vui vẻ.

2.

3.

4.

5.3. Miêu tả thời tiết đặc trưng của các mùa sau đây:

Mùa……..

……..

……

……

……

……..

……

……

Mùa……..

……..

……

……

……

……..

……

……

……

Mùa……..

……..

……

……

……

……..

……

Mùa……..

……..

……

……

……

……..

……

……

……

5.4. Đọc các thông tin về thời tiết của từng vùng trong hình sau:

Dự báo thời tiết 3 ngày Tết Nguyên Đán năm 2025

	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Trung Trung Bộ	Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Nam Bộ
26 Tết 25/1/2025 (Thứ 7)	9-24°C	15-28°C	20-30°C	16-31°C	20-34°C
27 Tết 26/1/2025 (Chủ Nhật)	9-24°C	15-27°C	20-30°C	16-31°C	20-34°C
28 Tết 27/1/2025 (Thứ 2)	9-24°C	15-22°C	20-30°C	12-28°C	20-34°C
29 Tết 28/1/2025 (Thứ 3)	9-24°C	15-22°C	20-30°C	12-28°C	20-34°C

5.5. Viết một đoạn văn ngắn (200 chữ) giới thiệu về một trong các hiện tượng thời tiết dưới đây:

……
……
……
……
……
……
……
……

5.6. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau:

thử xem	mát mẻ	còn	xuất hiện	thời tiết	càng
lắm	càng	nóng nực	mưa	thế mà	

1. *Hôm nay,..... mát mẻ nên chúng tôi hẹn nhau đi chơi.*
2. *Sắp mùa xuân rồi mà trời..... lạnh quá!*
3. *Hôm qua, trời không nắng.....!*
4. *Mặt trời..... lên cao, ánh nắng.....gay gắt.*
5. *Nhiều mây đen quá, chắc là trời sắp.....*
6. *Bạn đoán..... ngày mai thời tiết thế nào?*
7. *Thời tiết mùa thu ở Hà Nội rất ..... đúng không?*
8. *Dự báo thời tiết là hôm nay trời nắng..... lại mưa.*
9. *Mùa hè ở miền Bắc rất.....*
10. *Mẹ tớ bảo, sắp tới ở vùng mình..... mưa đá đấy!*

5.7. Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu đúng

1. *như thế nào/thời tiết/hôm nay/bạn ơi?*

.....
.....
.....
….....
2. *trời/càng/thổi/gió mùa/lạnh/càng.*

.....
.....
….....

3. *mưa/rồi/đường/sạch/ngừng/khá/nên*

.....

.....

.....

4. *trời/rét/phải không/mùa đông/rất?*

.....

.....

….....

5. *hôm nay/không/lắm/nắng/trời.*

.....

.....

….....

5.8. Hãy vẽ những đồ dùng phù hợp với biểu tượng thời tiết vào các ô trống dưới đây:

Ví dụ: *trang phục (quần, áo, khăn, mũ, áo mưa...), đồ dùng cá nhân (ô, nước uống...)...*

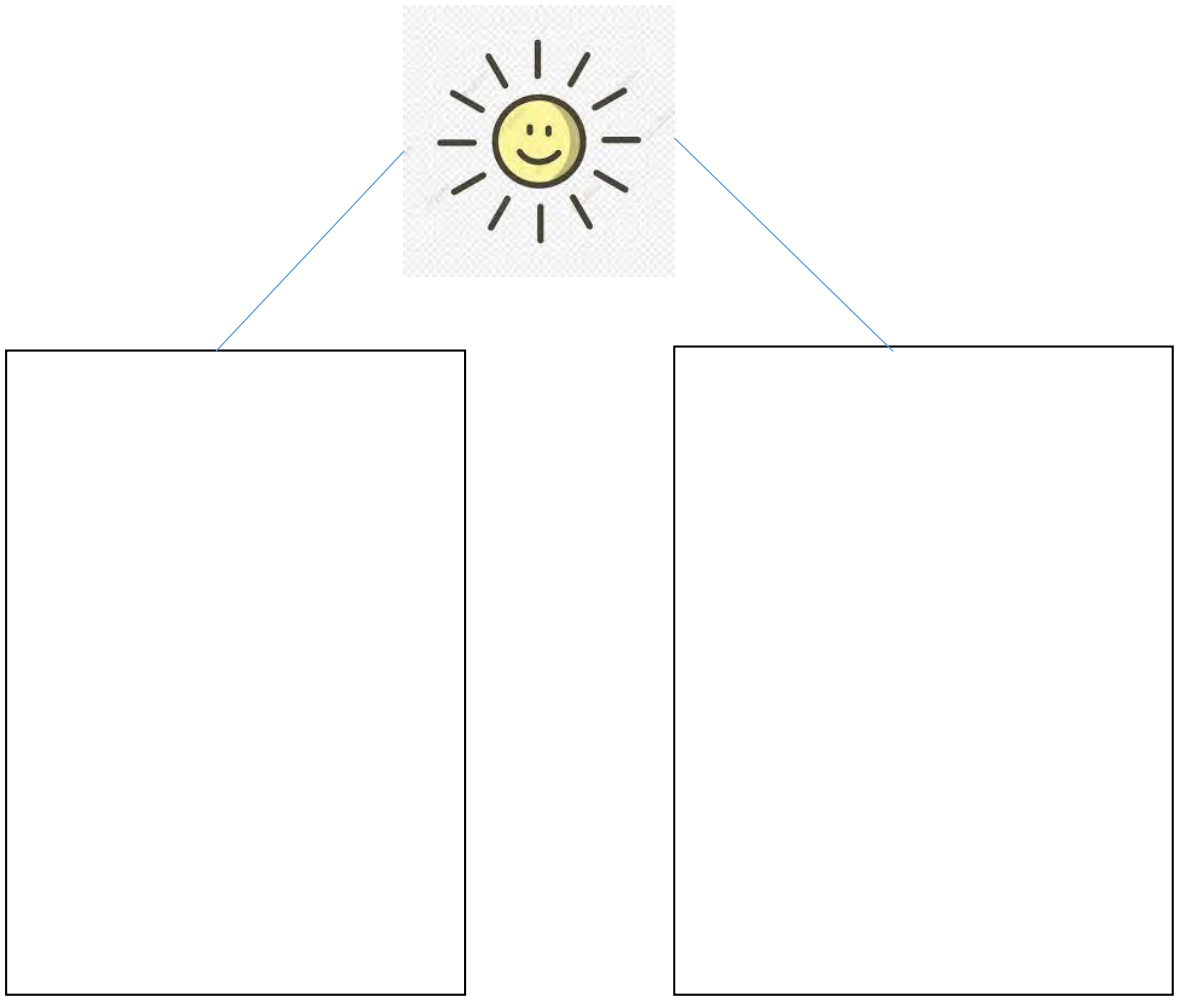

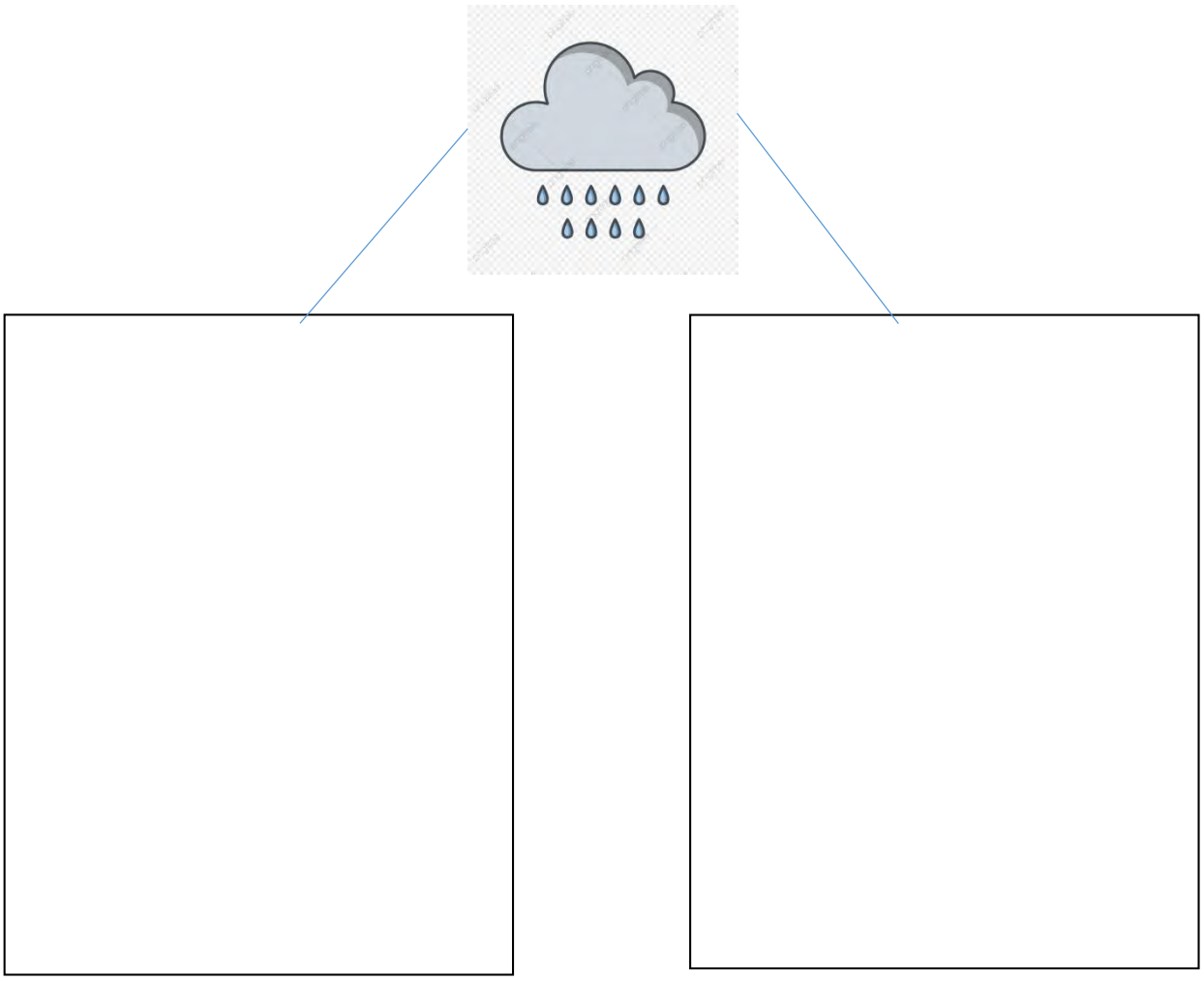

5.9. Tình huống

1. Tình huống 1. Bạn em có việc chuẩn bị đi ra ngoài bằng xe máy. Lúc này, em nhìn thấy ngoài trời mây đen đang kéo đến. Em sẽ nhắc bạn mình mang theo vật nào sau đây?

A. ô

B. áo len

C. mũ len

D. áo mưa

2. Tình huống 2. Một hôm trời mưa to, các bạn nhỏ rủ nhau đi tắm mưa.

- Theo em, các bạn ấy có thể gặp những rủi ro gì?

.....
.....
.....

- Nếu em ở đó, em sẽ khuyên các bạn điều gì?

.....
.....
.....

6. Mở rộng

6.1. Nghe bài hát

Mưa bóng mây

Nguồn: Youtube Kênh thiếu nhi – BHMEDIA (https://www.youtube.com/watch?v=LzC-Y4yNbFk)

Yêu cầu: ghi lại những từ ngữ em nghe được về đặc điểm mưa bóng mây.

6.2. Tục ngữ: *"Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*
Ngày tháng mười chưa cười đã tối"

- Đây là cách nói dân gian của người Việt dựa vào tháng để dự đoán thời tiết

+ Tháng 5 vào mùa hè trời nắng ngày dài hơn đêm

+ Tháng 10 vào mùa đông trời mưa nhiều; Mây âm u xám xịt nên cảm thấy nhanh tối; Đêm dài hơn ngày.

6.3. Tục ngữ: *"Tháng giêng rét đài, tháng hai rét lộc, tháng ba rét nàng Bân"*

- Đây là cách nói dân gian của người Việt dựa vào tháng để dự đoán thời tiết

+ Rét đài là rét vào tháng giêng âm lịch, ở miền Bắc Việt Nam, rét khá đậm làm hoa rụng cánh còn trơ đài.

+ Rét lộc là rét vào tháng 2 âm lịch ở Miền Bắc Việt Nam, thời tiết ẩm ướt thuận lợi cho sự hồi sinh của cây của cây cỏ sau mùa đông giá buốt

+ Rét nàng Bân là đợt rét cuối cùng của mùa đông xảy ra vào đầu tháng Ba âm lịch ở miền Bắc Việt Nam. Đây là đợt rét đậm kéo dài và kèm theo mưa nhỏ. Tên gọi rét nàng Bân bắt đầu từ truyện cổ tích Nàng Bân.

BÀI 4. TRANG PHỤC

- Từ vựng về chủ đề *trang phục*

- Ngữ pháp*:*

+ Cách dùng câu hỏi: *bao lâu, bao xa*

+ Cách dùng các từ: *ra, thấy, được.*

+ Cách dùng các từ : *khác, giống, khác nhau, giống nhau* .

+ Kết cấu: *vừa... vừa...*

+ Kết cấu: *làm ơn + động từ*

1. Hội thoại

1.1. Nghe hội thoại sau:

Quét mã QR, nghe file *Audio.04*

1.2. Đọc lại hội thoại và trả lời câu hỏi

Thợ may: Chào chị, chị muốn may gì vậy?

Khách hàng: Chào chị, tôi muốn may một bộ váy đi làm và một bộ quần áo ở nhà.

Thợ may: Chị là giáo viên phải không? Đây là các mẫu váy công sở mới nhất, còn đây là các mẫu trang phục ở nhà, chị xem thử nhé!

Khách hàng: Tôi thích mẫu váy này, vừa đẹp vừa lịch sự! Chị may cho tôi một chiếc giống như thế nhé!

Thợ may: Vâng, chị có muốn mặc màu khác không?

Khách hàng: Không, may giống như mẫu này là tôi thấy được rồi. Còn bộ ở nhà, chị cứ thiết kế giúp tôi nhé!

Thợ may: Vâng, để tôi đo cho chị.

Khách hàng: Bao lâu thì chị có thể may xong?

Thợ may: Một tuần, chị nhé!

Khách hàng: Làm ơn ghi giúp tôi số điện thoại, tôi sẽ gọi điện trước khi đến lấy.

Thợ may: Số điện thoại của nhà may đây ạ. Cảm ơn chị!

a. Khách hàng muốn may cái gì?

.....
….....

b. Tại sao khách hàng muốn may một chiếc váy giống mẫu đã có?

.....
….....

c. Thợ may sẽ may quần áo cho khách trong bao lâu?

.....
….....

1.3. Đóng vai các nhân vật trong hội thoại và luyện nói.

2. Bài đọc

2.1. Đọc bài đọc sau:

(1) Bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông luân phiên chuyển giao, việc lựa chọn trang phục thời trang hợp với từng mùa là điều vô cùng cần thiết.

(2) Mùa xuân, tiết trời xuân se se lạnh, việc lựa chọn quần bò kèm áo sơ mi là một sự lựa chọn vô cùng hoàn hảo. Bên cạnh đó, phái nữ luôn mong muốn lung linh bên những chiếc váy xinh xắn. Đặc biệt, trong các dịp lễ tết, không thể vắng mặt hình ảnh áo dài trên đất nước ta. Dù chọn lựa cho mình những phong cách ăn mặc khác nhau, nhưng màu sắc chiếm ưu thế mùa này thường là những gam màu nổi bật nhằm tạo ra một không khí căng tràn sức sống.

(3) Mùa hạ, thời tiết oi bức, ai cũng mong muốn tìm ra những bộ trang phục vừa mát vừa thoải mái. Nói đến đây, không thể không nhắc đến chất liệu lụa thiên nhiên. Lụa có rất nhiều loại, mỗi loại sẽ tạo nên cho bạn một trang phục với những kiểu cách, màu sắc riêng biệt. Và càng không thể bỏ qua những chiếc áo sơ mi lụa được cách tân vô cùng đẹp mắt.

(4) Mùa thu, trời bắt đầu có những đợt gió lạnh, bạn có thể chọn lựa cho mình những chiếc áo dài tay với quần bò hay những bộ váy dài, đi kèm với những chiếc áo khoác voan nhẹ nhàng. Trang phục thích hợp cho mùa thu là những bộ trang phục có sắc vàng của lá mùa thu, màu đỏ sẫm, màu đồng,… để tạo được cảm giác ấm áp.

(5) Mùa đông là mùa lạnh nhất trong năm. Sự lựa chọn hoàn hảo để trải qua một mùa đông không lạnh là những chiếc quần nỉ kèm với áo ấm. Không thể thiếu trong mùa đông là

những chiếc găng tay, khăn quàng cổ được làm từ chất liệu len. Bên cạnh đó, mùa này, lụa tơ tằm cũng phát huy tốt khả năng của mình là giữ nhiệt, giúp cơ thể ấm hơn.

https://viettuyetsilk.com/fashion-four-seasons-7889.html

2.2. Gạch chân dưới những từ ngữ trong bài đọc có liên quan đến chủ đề trang phục.

2.3. Trả lời câu hỏi sau:

a. Trang phục phù hợp mặc trong mùa xuân là gì?

.....

.....

.....

b. Áo dài thường được mặc trong dịp nào?

.....

.....

.....

c. Tại sao mùa hè, mọi người thường mặc quần áo thoáng mát?

.....

.....

.....

d. Màu sắc thích hợp cho trang phục trong mùa thu là gì?

.....

.....

.....

e. Vào mùa đông, chúng ta nên mặc trang phục như thế nào?

.....

.....

3. Từ ngữ

quần dài	giày	may
quần soóc	tất	mặc
quần đùi	túi xách	khâu
áo dài	ô	vá
váy	vải	cắt
áo sơ mi	len	thêu
quần áo ở nhà	nỉ	cởi
quần áo thể thao	(quần) bò	tháo
		xỏ

4. Ghi chú ngữ pháp

4.1. Cách dùng câu hỏi: *bao lâu, bao xa*

- "bao lâu": hỏi về khoảng thời gian để thực hiện một sự việc, hành động nào đó

Ví dụ: *Bao lâu thì chị may xong quần áo của tôi? (1 tuần)*

Từ Thái Nguyên đi Hà Nội khoảng bao lâu? (2 tiếng)

- "bao xa": hỏi về khoảng cách giữa hai địa điểm

Ví dụ: *Từ trường mình đến chợ bao xa? (2km)*

Từ Thái Nguyên đi Hà Nội bao xa? (80 km)

4.2. Cách dùng các từ: *ra, thấy, được*: là các phụ từ đứng sau động từ, dùng để biểu thị kết quả hành động

- "ra": *nghĩ ra, hiểu ra, nhận ra, nhớ ra, phát hiện ra, tìm ra…*

Ví dụ: *Tôi đã phát hiện ra một cửa hàng quần áo rất đẹp.*

- "thấy": *nhìn thấy, nghe thấy, tìm thấy, nhận thấy, đọc thấy…*

Ví dụ: *Bạn đã tìm thấy chỗ bán quần áo trong siêu thị chưa?*

-"được": kết hợp được hầu hết các động từ: *có được, thấy được, hiểu được, nghe được, nhớ được, nhìn được…*

Ví dụ: *Anh ấy nghe được nhiều thông tin về show thời trang cuối tuần.*

4.3. Cách dùng các từ: *khác, giống, khác nhau, giống nhau*

- "khác": không phải là cái đã biết, đã nói đến, tuy là cùng loại:

Ví dụ: *Chị lấy cho tôi cái quần màu khác nhé!*

- "giống: trái nghĩa với "khác": là cái đã biết, đã nói đến, cùng loại:

Ví dụ: *Anh bán cho tôi cái áo len giống cái tôi đang mặc nhé!*

-"khác nhau": không có những nét chung, những nét tương tự nên có thể phân biệt được với nhau khi so sánh

Ví dụ: *Hai cái váy này thương hiệu khác nhau đấy.*

- "giống nhau": có những nét chung, nét tương tự nhau về hình dáng, tính chất hoặc màu sắc

Ví dụ: *Tôi muốn mua hai chiếc áo phông giống nhau.*

4.4. Kết cấu: *vừa... vừa...:*

- Diễn tả hai sự việc hay hành động xảy ra trong cùng một thời gian hoặc diễn tả hai hay nhiều khả năng của người hoặc sự vật

Chủ ngữ + vừa + động từ 1 + vừa + động từ 2

Ví dụ: *Chúng tôi vừa ăn vừa xem biểu diễn thời trang.*

Cô ấy vừa hát hay vừa múa dẻo.

- Diễn tả hai hay nhiều tính chất cùng loại với ý nghĩa nhấn mạnh

Chủ ngữ + vừa + tính từ 1 + vừa + tính từ 2

Ví dụ: *Bộ quần áo này vừa đẹp vừa sang trọng*

4.5. Kết cấu: *làm ơn + động từ*: được dùng một cách lịch sự khi người nói muốn người nghe làm một việc gì đó

(Chủ ngữ) + làm ơn + động từ

Ví dụ:

(Chị) làm ơn đổi cho tôi chiếc áo này cỡ to hơn (được không?)

(Anh) làm ơn lấy giúp tôi đôi giày màu đen kia!

5. Luyện tập

5.1. Đọc từ ngữ dưới mỗi tấm tranh/ ảnh sau:

Áo dài

 quần dài	 quần soóc nam	 quần đùi nam
 váy dài	 váy ngắn	 quần soóc nữ
 áo dài tay	 áo cộc tay	 áo ba lỗ

 áo sơ mi nam	 áo sơ mi nữ	 áo kẻ (ca rô)
 quần áo thể thao (mùa hè)	 quần áo thể thao (mùa đông)	 quần áo ở nhà
 mũ lưỡi trai	 mũ	 nón

 khăn quàng cổ	 giày	 tất
 vải đũi	 vải cotton	 vải nỉ
 vải lụa	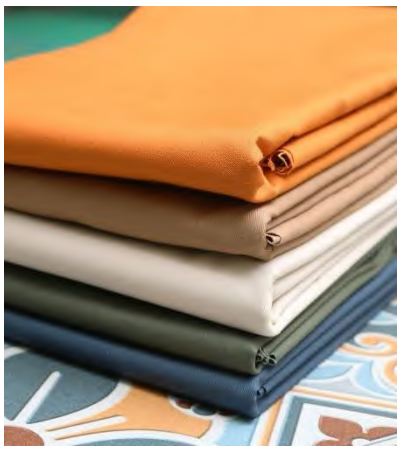 vải kaki	 vải lanh

5.2. Miêu tả về trang phục mà bạn đang mặc.

5.3. Miêu tả về trang phục mà thầy giáo/cô giáo/bạn bè của bạn đang mặc.

5.4. Chọn từ thích hợp trong bảng sau điền vào chỗ trống

giày thể thao	*vừa*	*ra*	*thích hợp*	*áo sơ mi*
bao lâu	*váy*	*vừa*	*quần áo thể thao*	*giống*

Hương: Trang ơi, chiều nay nghỉ học, bọn mình đi mua quần áo nhé!

Trang: Ừ, bạn muốn mua gì vậy?

Hương: Tớ muốn mua một cái (1)……. và một cái (2)…..……..

Gần trường mình, cửa hàng quần áo sinh viên đang giảm giá đấy.

Trang: Thế à? Tớ cũng đang muốn mua một bộ (3)……

để tập thể dục ở nhà.

Hương: Ở đó có bán đấy!

Trang: Thế cậu có biết ở đâu bán (4)……. không? Tớ muốn mua để đi bộ.

Hương: Chiều nay tớ sẽ dẫn cậu đi mua. Tớ phát hiện (5)…… một cửa hàng có nhiều đồ rất đẹp và (6)……. với bọn mình.

Trang: Tớ thích mua một đôi (7)…….như đôi cậu đi hôm nhảy dân vũ ấy.

Hương: Ờ, đôi đó (8)……mềm (9)…….đẹp, đi rất thoải mái!

Trang: Chiều nay chúng mình sẽ đi mua sắm trong khoảng thời gian (10)……nhỉ? Tớ còn phải nấu cơm.

Hương: Khoảng 2 tiếng thôi. Hẹn cậu 14h ở cổng trường nhé. Tớ về đây.

5.5. Nối hình ảnh với từ ngữ tương ứng

1.	**a. đôi tất**

2.	**b. quần nỉ**
3.	**c. váy bò**
4.	**d. áo phông**
5.	**đ. mũ len**

6.	**e. áo dài**
7.	**g. đôi giày**
8.	**h. quần thô**

5.6. Vẽ những trang phục phù hợp mà bạn lựa chọn khi đi du lịch ở các địa điểm sau:

1. Đi biển Nha Trang vào mùa hè

Vẽ và ghi rõ tên trang phục bạn lựa chọn:

2. Đi Sa Pa vào mùa đông

Vẽ và ghi rõ tên trang phục bạn lựa chọn:

5.7. Giải thích và đặt câu với các từ sau:

1. “cần thiết”:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. “lựa chọn”:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. “nổi bật”:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. “cách tân”:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

5. “thích hợp”:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

5.8. Hoàn thiện bảng sau:

Hình ảnh	Tên gọi	Tác dụng

6. Mở rộng

6.1. Nghe bài hát

Một thoáng quê hương (ca sĩ Mắt Ngọc)

Nguồn: nhaccuatui.com (https://www.nhaccuatui.com/bai-hat/mot-thoang-que-huong-mat-ngoc.dW6ZjwELNeSK.html)

Yêu cầu: Viết một đoạn văn giới thiệu về áo dài Việt Nam.

6.2. Tục ngữ *"Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân"*

- "Người đẹp vì lụa": Con người sẽ đẹp hơn nhờ chọn trang phục phù hợp, thẩm mĩ; "lúa tốt vì phân": lúa tốt nhờ phân bón tốt, mùa màng sẽ bội thu.

- Câu tục ngữ nhấn mạnh: trong cuộc sống, mọi thứ đều có thể được làm đẹp hơn, tốt hơn nếu chúng ta biết cách.

6.3. Xem video

Áo dài Việt Nam qua các thời đại

Nguồn: Youtube Vinh - Thien Quach

(https://www.youtube.com/watch?v=-b4xWzk51u8)

6.4. Nguồn gốc và ý nghĩa áo dài truyền thống Việt Nam

Áo dài là trang phục mang bản sắc của dân tộc Việt Nam, được lưu truyền từ đời này qua đời khác. Áo dài là một biểu tượng của nền văn hóa, là niềm kiêu hãnh của đất nước Việt Nam và tôn lên vẻ đẹp của người phụ nữ.

Áo dài được may từ nhiều loại vải như lụa tổng hợp, lụa tơ tằm, nhung, gấm nhưng đặc điểm chung là phải mỏng và nhẹ thì mới tạo nên độ đẹp của áo. Những người phụ nữ ở độ tuổi trung niên thích mặc áo dài bằng gấm, nhung để có sự trang trọng, mặc trong những dịp trọng đại như cưới hỏi, lễ tết. Những chị em thanh thiếu nữ thì thích mặc áo dài có chất liệu nhẹ nhàng, màu sắc trẻ trung, tươi sáng. Đi kèm với áo dài là quần sa tanh hoặc quần lụa trắng, đen hoặc có cùng màu với áo dài.

Ngày nay, áo dài còn được các nhà thiết kế với nhiều phương pháp khác nhau. Có những chiếc áo dài được in tranh phong cảnh, đính thêm hoa văn, họa tiết nhìn vô cùng thu hút, ấn tượng.

Áo dài chính là một phần văn hóa gói trọn tinh thần của dân tộc Việt Nam.

Những người phụ nữ Việt Nam luôn ưu ái sử dụng áo dài trong những sự kiện đặc biệt bởi nó vừa trang trọng, vừa tôn lên nét quyến rũ và đường cong cơ thể nhưng vẫn giữ được nét sang trọng, kín đáo và quý phái. Mặc lên mình chiếc áo dài, trong lòng mỗi con người đều dâng lên niềm tự hào dân tộc, niềm kiêu hãnh khi là một người dân nước Việt.

Ở những dịp trọng đại của đời người, trong lễ cưới, áo dài được xem như là một trang phục hết sức đặc biệt. Dù cho cô dâu ở bất kì vùng miền nào hay chú rể đến từ một xứ sở khác thì áo dài vẫn là bộ lễ phục không thể thiếu đối với nàng dâu.

Đối với các bạn nữ quốc tế, họ rất ngưỡng mộ khi phụ nữ Việt Nam có bộ trang phục truyền thống vô cùng thùy mị nhưng lại rất đơn giản và thoải mái. Không ít bạn nữ cách nửa vòng trái đất mong muốn được đặt chân đến Việt Nam để ướm thử bộ áo dài và trở nên dịu dàng, đằm thắm như gái Việt.

Dù đã qua nhiều lần cải cách, biến tấu nhưng chiếc áo dài vẫn giữ được nét thuần khiết, trang nhã, thanh lịch như tâm hồn của người dân đất Việt.

Huy Hoàng

(Lược trích theo: https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/nuithanh/pages_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL489900)

BÀI 5. SỞ THÍCH, THÓI QUEN

- Từ vựng về chủ đề *Sở thích, thói quen*

- Ngữ pháp*:*

+ Mẫu câu: *Sở thích/thói quen của +…… + là gì?*

+ Mẫu câu: *Chủ ngữ + thích + ……..*

+ Kết cấu*: đã...lại...*

+ Kết cấu: *Nếu...thì...*

+ Cách sử dụng: *khoảng, độ, chừng*

1. Hội thoại

1.1. Nghe hội thoại sau:

Quét mã QR, nghe file *Audio.05*

1.2. Đọc lại hội thoại và trả lời câu hỏi

Thư: Hoa ơi, tuần này chúng mình được nghỉ năm ngày. Mình mời bạn về nhà mình chơi nhé. Tuần này, ông bà ngoại của mình cũng về nhà mình chơi. Ông bà mình vui tính và rất hiền, bạn gặp sẽ rất thích.

Hoa: Cảm ơn Thư, thích quá. Để tớ xin phép bố mẹ đã nhé. Học với nhau ba năm rồi mà chúng mình chưa có dịp về thăm gia đình nhau. Ông bà ngoại của bạn bao nhiêu tuổi rồi?

Thư: Ông bà ngoại của tớ năm nay đã hơn 70 tuổi nhưng ông bà tớ vẫn còn khỏe. Ông bà ngoại tớ vẫn có thói quen đi bộ và tập thể dục mỗi sáng.

Hoa: Gia đình bạn có ở cùng ông bà nội không? Ông bà nội của bạn có hay đi bộ mỗi sáng không?

Thư: Có, gia đình tớ sống chung với ông bà nội. Ông nội tớ đã 82 tuổi rồi. Ông bị đau xương khớp nên không đi bộ lâu được. Nhưng ông nội tớ có sở thích chăm sóc cây cảnh. Ông nội tớ yêu thích nhất là hoa lan. Còn bà nội tớ mặc dù đã 80 tuổi rồi nhưng vẫn thích hát dân ca.

Hoa: Tớ cũng rất thích hoa lan. Thư ơi, không biết ông bà của bạn có thích uống chè không. Tớ muốn biếu ông bà bạn chè Thái Nguyên. Chè dịp này là chè xuân, rất ngon bạn ạ.

Thư: Ông bà nội tớ thích uống chè Thái Nguyên lắm. Ông bà tớ có thói quen uống chè và nghe đài tiếng nói Việt Nam mỗi buổi sáng, sau khi ăn sáng xong. Lần nào về nhà, tớ cũng mua ít chè về biếu ông bà.

Hoa: Thế tớ đặt chè ngon để biếu ông bà. Chè xuân là chè ngon nhất trong năm bạn ạ.

Thư: Cảm ơn bạn nhiều nhé.

Hoa: Không có gì bạn ạ.

a. Thư mời Hoa đi đâu?

.....

.....

b. Ông bà ngoại Thư có thói quen chạy bộ và đi xe đạp phải không?

.....

.....

c. Bà nội Thư thích gì?

.....

.....

d. Ông bà nội Thư có thói quen uống chè mỗi sáng đúng không?

.....

.....

1.3. Đóng vai các nhân vật trong hội thoại và luyện nói.

2. Bài đọc

2.1. Bài đọc 1

Ông An: Chào ông Hòa, ông dậy sớm thế. Ông đi đâu à?

Ông Hòa: Chào ông An, ông cũng dậy sớm thế. Tôi không đi đâu. Tôi có thói quen dậy sớm từ khi còn trong quân ngũ rồi. Sáng nào, tôi cũng đi bộ quanh khu dân cư đấy. Thế ông đi đâu đấy?

Ông An: À, hôm nay tôi về quê có chút việc ông ạ. Ông rèn luyện được thế đỡ đau xương cốt. Thế ông thích bóng bàn không?

Ông Hòa: Bóng bàn thì tôi biết đánh nhưng chơi không giỏi. Tôi thích đánh cầu lông hơn. Chiều nào tôi cũng đánh cầu lông với bà nhà tôi đấy.

Ông An: Tôi cũng thích đánh cầu lông. Thế hôm nào tôi ở quê lên thì tôi và ông cùng đánh cầu lông nhé.

** Trả lời câu hỏi*

Câu 1: Mỗi sáng, ông Hòa có thói quen gì?

A. đá bóng B. đá cầu C. đánh cầu lông D. đi bộ

Câu 2: Ông Hòa thích môn thể thao nào?

A. cầu lông B. bóng bàn C. bơi D.chạy bộ

Câu 3: Ông Hòa thường đánh cầu lông vào thời gian nào?

A. buổi sáng B. buổi trưa C. buổi chiều D. buổi tối

Câu 4: Ông An thích môn thể thao gì?

A. đi bộ B. đá bóng

C. cầu lông D. đá cầu

Câu 5: Ai trong bài đọc trên về quê?

A. ông An và ông Hòa B. ông Hòa

C. ông An D. không có ai

2.2. Bài đọc 2

Nam: Lúc rảnh cậu có hay nghe nhạc không?

Lan: Có, tớ thích nghe nhạc lắm. Tớ đặc biệt thích nghe dân ca quan họ Bắc Ninh. Còn cậu thì sao?

Nam: Tớ thì ít khi nghe nhạc lắm. Thỉnh thoảng tớ chỉ nghe vài bài nhạc trẻ để xả stress thôi. Lúc rảnh, tớ thường hay xem phim hơn.

Lan: Vậy à, cậu thường xem phim gì thế?

Nam: Tớ thích xem phim hành động với kinh dị. Thế cậu có thích xem phim không?

Lan: Tớ cũng thích xem phim. Nhưng, tớ thích xem phim tình cảm, nhất là phim do Hãng phim truyền hình Việt Nam sản xuất.

** Trả lời câu hỏi:*

a. Lan thích nhạc trẻ phải không?

.....

.....

.....
.....

b. Nam thích xem phim gì?

.....
.....
.....
.....

c. Lan thích nhất là phim gì?

.....
.....
.....
.....

d. Lan thích xem phim do hãng phim truyền hình Sài Gòn sản xuất phải không?

.....
.....
.....
.....

3. Từ ngữ

sở thích	vẽ	thói quen
nghe nhạc	câu cá	dậy sớm
trồng hoa	xem phim	tập thể dục
nấu ăn	đá cầu	ngủ đúng giờ
cưỡi ngựa	bơi	đi bộ
trượt tuyết	múa	đạp xe
đọc sách	hát	uống cà phê
		uống trà

4. Ghi chú ngữ pháp

4.1. Cách hỏi về sở thích - thói quen của người khác

Cách 1 | *Sở thích/ thói quen + của ..... là gì?*

Ví dụ*:* - *Sở thích (thói quen) của bạn là gì?*

+ *Sở thích của tôi là đọc sách.*

Cách 2 | *Chủ ngữ + có thích + ... + không?*

Ví dụ: - *Bạn có thích đọc sách không?*

+ Tôi rất thích đọc sách.

- Bạn rất thích đọc sách, phải (đúng) không?

+ Phải (đúng). Tôi rất thích đọc sách.

4.2. Cách nói về sở thích của bản thân hoặc của người khác

Chủ ngữ + thích+…

Ví dụ: *Tôi thích đá bóng.*

Tôi thích xem phim Việt Nam.

Tôi thích mặc áo dài.

Tôi thích mùa xuân.

Ví dụ: *Anh ấy thích đi du lịch.*

Bà ấy thích nấu ăn.

Cô ấy thích đọc sách.

Mở rộng:

- Tôi không thích vẽ tranh. Tôi thích nghe nhạc.

= Tôi thích nghe nhạc, không thích vẽ tranh.

=Tôi không thích vẽ tranh mà tôi thích nghe nhạc.

- Cô ấy không thích chơi bóng bàn. Cô ấy thích chơi cầu lông.

= Cô ấy thích chơi cầu lông, không thích chơi bóng bàn

= Cô ấy không thích chơi bóng bàn mà cô ấy thích chơi cầu lông.

- Em ấy không thích đá bóng. Em ấy thích đá cầu.

= Em ấy thích đá cầu, không thích đá bóng.

= Em ấy không thích đá bóng mà em ấy thích đá cầu.

4.3. Mẫu câu biểu thị mối quan hệ bổ sung

Chủ ngữ + đã + động từ 1/ tính từ 1 + lại + động từ 2/ tính từ 2

Ví dụ: *Anh ấy đã khỏe lại trẻ lâu vì ngày nào cũng tập thể dục.*

Cô ấy đã hát hay lại múa đẹp.

* <u>Lưu ý:</u> Chỉ nói*: …đã + (ĐT1/TT1) + lại + (ĐT2/TT2)*

Ví dụ: Lan đã xinh lại chăm chỉ

Không nói: *Lan đã xinh lại hát (-)*

Lan đã hát lại xinh (-)

Lan đã chăm chỉ lại hát (-)

* Kết cấu tương đương: *không những….. mà còn/ vừa….vừa*

Ví dụ :

Cô ấy đã xinh lại còn hát hay.

=Cô ấy không những xinh mà còn hát hay.

= Cô ấy vừa xinh vừa hát hay.

Cách dùng khác:

CN+ đã + TT + lại càng (thêm) + TT (lặp lại)

Biểu thị mối quan hệ tăng tiến.

Ví dụ:

Cô ấy rất thích hoa hồng nên cô ấy trồng rất nhiều hoa hồng.

Nhà cô ấy đã đẹp lại càng thêm đẹp.

4.4. Mẫu câu ghép dùng để chỉ mối quan hệ điều kiện - kết quả

Nếu + chủ ngữ 1 + động từ 1/ tính từ 1 + thì +chủ ngữ 2+ động từ 2/ tính từ 2

Ví dụ: - *Nếu anh thích hát thì tôi sẽ dạy anh hát.*

- *Nếu em thích mặc áo dài thì chị sẽ dẫn em đi may.*

- *Nếu bà thích ăn canh chua cá thì cháu sẽ nấu ạ.*

<u>* Lưu ý:</u>

- Khi chủ ngữ 1 và chủ ngữ 2 trùng nhau, chúng ta có thể lược bỏ một trong hai chủ ngữ.

Ví dụ: *Nếu anh mệt anh nên nghỉ*

Nếu mệt thì anh nên nghỉ.

Nếu thích thì anh ăn.

- Có thể đảo vị trí hai vế (A và B) trong câu ghép, khi đó lược bỏ "thì"

(B + nếu +A)

Ví dụ: *Cháu sẽ nấu canh chua nếu bà thích ăn.*

Tôi sẽ dạy anh hát dân ca nếu anh thích.

4.5. Cách sử dụng

khoảng, độ, chừng

Các từ này thường đứng trước số từ để biểu thị một con số ước chừng, không chính xác.

+ Chúng có thể được dùng riêng lẻ:

Ví dụ: *Ngôi nhà này cao khoảng hơn 10m.*

Em trai tôi nặng độ 50, 51kg.

Chừng 8h hơn cô ấy sẽ đến.

+ Chúng có khi kết hợp với nhau theo các cặp: *khoảng độ, khoảng chừng, chừng độ, chừng khoảng, độ chừng,...*

Ví dụ: *Khoảng 10 phút nữa là trận bóng đá Việt Nam – Thái Lan diễn ra.*

Chị tôi đã đi chợ chừng 2 tiếng.

Em tôi học đánh đàn khoảng 2 năm rồi.

* Lưu ý:

Về vị trí: khoảng, độ, chừng có thể đứng đầu câu, giữa câu, không đứng cuối câu.

Ví dụ: *Toà nhà này cao khoảng 800m.*

Khoảng 2 tháng nữa, chúng tôi sẽ tốt nghiệp đại học.

Không nói: *Toà nhà này cao 800m khoảng. (-)*

Hai tháng nữa, chúng tôi sẽ tốt nghiệp đại học khoảng.(-)

5. Luyện tập

5.1. Thực hành nói theo chủ đề

1. Nhìn các tranh sau và tập hỏi và trả lời về sở thích thói quen

Ví dụ:

1.Bà ấy có thói quen gì?

- Bà ấy có thói quen đọc sách.

2. Bà ấy có thích đọc sách không?

- Có. Bà ấy rất thích đọc sách.

3. Bà ấy thích xem ti vi phải không?

- Không. Bà ấy thích đọc sách.

a._____b._____

c._____ d._____

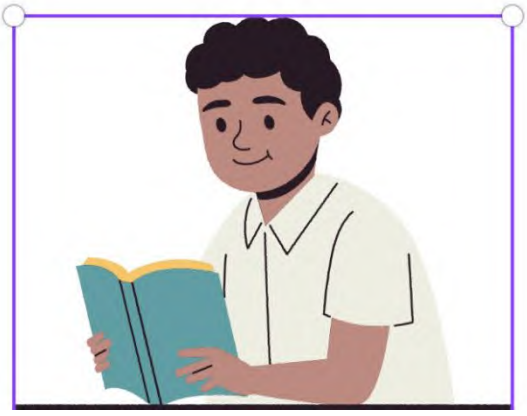

e._____ g_____

5.2. Dựa vào các thông tin sau để nói về các thói quen tốt, thói quen xấu

STT	Thói quen xấu	Thói quen tốt
1	Đi làm trễ	Đi làm sớm/ đi làm đúng giờ
2	Ăn uống quá độ	Ăn uống có chừng mực
3	Hút thuốc nơi công cộng	Không hút thuốc nơi công cộng
4	Nói xấu người khác	Không nói xấu người khác
5	Không thành thật nhận lỗi	Thành thật nhận lỗi
6	Không giúp đỡ người hoạn nạn	Giúp đỡ người hoạn nạn
7	Không kính trọng người lớn tuổi	Kính trọng người lớn tuổi

5.3. Chọn từ ngữ dưới đây điền vào chỗ trống

khoảng	*màu*	*đi*
chăm sóc	*bánh cuốn*	*ăn*

1. Ông Minh sẽ về Việt Nam vào.....giữa tháng sau.
2. Bà ấy không thích ..... đỏ. Bà ấy thích màu xanh.
3. Ở Việt Nam, chú ấy rất thích..... bún chả.
4. Mỗi ngày, bà ấy đều.....hoa lan.
5. Bạn thích ăn .....hay phở gà?
6. Mỗi sáng, cô ấy đều.....xe đạp đến trường.

5.4. Dùng "đã…lại" để hoàn thiện các câu sau:

Ví dụ:

- Em ấy chăm học/ ngoan ngoãn

+ Em ấy *đã* chăm học *lại* ngoan ngoãn.

1. Cái áo đấy đẹp/rẻ

……..

2. Ai cũng yêu quý cô ấy vì cô ấy tốt bụng/ xinh đẹp

……..

3. Bài hát này hay/ dễ học

……..

4. Các bạn sinh viên Việt Nam vui vẻ/ thân thiện

……..

5. Trời mưa/ rét

……..

6. Bài tập hôm nay khó/ nhiều

……..

5.5. Trả lời những câu hỏi sau:

1. Bạn thích làm gì khi rảnh rỗi?

.....

.....

2. Bạn có thích nghe nhạc không? Bạn thường nghe nhạc vào lúc nào?

.....

.....

3. Bạn sẽ học tiếng Việt ở Việt Nam trong bao lâu?

.....

.....

4. Bạn thích khiêu vũ phải không?

.....

.....

5. Buổi tối bạn thường học bài trong bao lâu?

.....

.....

6. Từ kí túc xá đến giảng đường bạn học bao xa?

.....

.....

5.6. Thực hành nói về sở thích, thói quen của bản thân/ người khác dựa theo gợi ý dưới đây:

1. Áo dài:

Ví dụ:

- *Tôi rất thích mặc áo dài truyền thống của Việt Nam.*
- *Cô ấy hay mặc áo dài trong những sự kiện quan trọng.*

2. Áo bà ba:

……

……

……

3. Ăn trái cây:

……

……

……

4. Uống nước:

……

……

……

5. Dậy sớm:

……

……

……

6. Tập thể dục:

……

……

……

5.7. Viết về thói quen tốt của bạn (dựa theo gợi ý trong tranh dưới đây):

……

……

.....

.....

.....

.....

.....

5.8. Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) về thói quen và sở thích của một người thân trong gia đình bạn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Mở rộng

6.1. Thực hành hỏi đáp về sở thích, thói quen trong các bối cảnh khác nhau (trong trường học, gia đình, …)

6.2. Nghe bài hát

Thói quen hằng ngày

Nguồn: Youtube Kids TV VietNam - nhạc thiếu nhi hay nhất (https://www.youtube.com/watch?v=mfDGeD5QklI)

Yêu cầu: Ghi lại những thói quen của bạn nhỏ được nhắc trong bài hát.

6.3. Thành ngữ "*Ngựa quen đường cũ*"

Người Việt dùng câu nói này để phê phán những trường hợp vẫn lặp lại hành động sai lầm đã mắc, do nhận thức chưa tiến bộ hoặc do thói quen khó bỏ.

6.4. Thói quen đọc sách

Đọc sách thường xuyên sẽ giúp bạn nâng cao vốn từ vựng, trang bị thêm nhiều kiến thức. Ngoài ra, quá trình đọc hiểu một cuốn sách sẽ giúp tăng cường khả năng liên kết giữa các tế bào thần kinh, nhằm hình thành nên những hình ảnh mới mẻ từ đó rèn luyện cho bạn sự sáng tạo. Những người làm về sáng tạo có xu thế đọc nhiều sách hơn những ngành nghề khác.

(Lược trích theo: http://sieutrinao.com/nhung-thoi-quen-so-thich-giup-ban-thong-minh-hon-1070/)

BÀI 6. SỨC KHỎE

- Từ vựng về chủ đề *Sức khỏe*

- Ngữ pháp*:*

+ Mẫu câu: *Chủ ngữ + cần/muốn gì?*

+ Mẫu câu: *Chủ ngữ + bị làm sao/ thấy ....như thế nào?*

Chủ ngữ + đã + đỡ + tính từ/ động từ cảm xúc +chưa?

+ Cách dùng các từ: *đau, ốm, mỏi mệt*

+ Cách dùng: *hả*

1. Hội thoại

1.1. Nghe hội thoại sau:

Quét mã QR, nghe file *Audio.06*

1.2. Đọc lại hội thoại và trả lời các câu hỏi:

Bác sĩ: Anh bị làm sao? Hiện tại, anh thấy trong người như thế nào?

Bệnh nhân: Thưa bác sĩ, tôi bị chóng mặt và đau đầu quá bác sĩ ạ. Giờ tôi lại thấy buồn nôn nữa. Tôi khó chịu quá.

Bác sĩ: Vâng, mời anh vào. Anh ngồi xuống đây để tôi khám xem nào. Để tôi đo huyết áp và đo nhịp tim cho anh nhé. Huyết áp của anh hơi cao 145/85. Tôi sẽ cho anh làm siêu âm tim và xét nghiệm máu. Anh bị như thế này lâu chưa?

Bệnh nhân: Dạ, tôi bị chóng mặt một tuần nay rồi. Nhưng hôm nay tôi mới thấy buồn nôn và rất đau đầu. Tôi đã uống thuốc giảm đau mà không thấy đỡ.

Bác sĩ: Đây này, kết quả siêu âm tim cho thấy nhịp tim của anh hơi nhanh. Xét nghiệm máu cho thấy anh bị máu nhiễm mỡ độ 2. Đây là những nguyên nhân anh thấy đau đầu, chóng mặt và buồn nôn. Anh làm hồ sơ nhập viện nhé để chúng tôi theo dõi và chăm sóc.

Bệnh nhân: Vâng ạ, cảm ơn bác sĩ.

Bác sĩ: Anh cũng nên kiêng uống rượu, bia, các chất kích thích và không nên ăn nội tạng của động vật.

Bệnh nhân: Vâng, cảm ơn bác sĩ.

a. Bệnh nhân thấy như thế nào khi đi khám?

.....

.....

b. Bệnh nhân đã uống thuốc giảm đau trước khi đến bác sĩ khám phải không?

.....

.....

c. Kết quả khám bệnh như thế nào?

.....

.....

d. Bệnh nhân có phải nằm viện không?

.....

.....

.....

d. Bác sĩ đã dặn bệnh nhân như thế nào?

.....

.....

.....

1.3. Đóng vai các nhân vật trong hội thoại và luyện nói.

2. Bài đọc

2.1. Bài đọc 1

Lan: Hoa ơi, bạn có biết dịch vụ chăm sóc y tế tại nhà ở đâu tốt không? Tớ nghe nói bây giờ có dịch vụ chăm sóc y tế tại nhà rất tiện. Tớ muốn nhờ chăm sóc sức khỏe tại nhà cho ông nội. Ông nội tớ vừa bị tai biến và điều trị một đợt ở bệnh viện.

Hoa: Thương ông quá. Thế hiện giờ tình trạng của ông như thế nào rồi Lan?

Lan: Ông tớ may được cứu chữa kịp thời nên không để lại di chứng nặng. Ông hiện giờ tỉnh táo bình thường. Nhưng giờ tay trái và chân trái của ông vẫn chưa phục hồi. Ông tớ vẫn chưa tự đi và tự cầm được.

Hoa: Hiện nay, bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên đã mở thêm Trung tâm dịch vụ chăm sóc y tế tại nhà. Hiện nay, dịch vụ này đang hỗ trợ người bệnh rất tốt và đem lại hiệu quả cao nhờ vào đội ngũ y bác sĩ chuyên nghiệp, nhân viên am hiểu, có kiến thức sâu. Họ tư vấn qua điện thoại nhiệt tình lắm bạn ạ.

Lan: Ôi, thế may quá. Chiều nay, tớ sẽ đến và hỏi trực tiếp các bác sĩ.

Hoa: Bạn không cần phải đến trực tiếp đâu. Bạn có thể gọi điện thoại để các bác sĩ tư vấn cụ thể về việc chăm sóc sức khỏe của ông nội bạn.

Lan: Bây giờ, các dịch vụ tiện ích quá bạn nhỉ. Bạn cho tớ xin số điện thoại của Trung tâm nhé.

Hoa: Đây, tớ sẽ gửi ngay. Nếu cần gì, bạn điện thoại cho tớ. Tớ sẽ vào thăm ông sau bạn nhé.

** Trả lời câu hỏi*

a. Ông của Lan bị bệnh gì?

.....

.....

b. Lan muốn nhờ Hoa việc gì?

.....

.....

c. Tay trái và chân trái của ông nội Lan đã phục hồi chưa?

.....

.....

d. Dịch vụ khám chữa bệnh ở bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên như thế nào?

.....

.....

e. Lan có cần đến trực tiếp bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên để đăng kí chăm sóc cho ông nội không?

.....

.....

2.2. Bài đọc 2

Đặt lịch khám trực tuyến

Nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng của người dân, cũng như giúp tiết kiệm tối đa thời gian chờ đợi xếp hàng, bệnh viện Nhi Trung ương triển khai dịch vụ đăng kí khám bệnh trực tuyến trên ứng dụng Y bạ Điện tử. Các nhân viên trực tổng đài sẽ liên hệ, giới thiệu và tư vấn đến người bệnh các loại hình khám, lựa chọn các hình thức khám đúng chuyên khoa và đúng theo yêu cầu. Sau khi đặt lịch, khách hàng sẽ nhận được thông tin về lịch khám qua tin nhắn và qua email. Khi tiếp nhận ý kiến người bệnh về tình hình sức khỏe và tư vấn và sắp xếp lịch khám, bác sĩ khám theo đúng nhu cầu khám bệnh của khách hàng. Với việc đặt lịch khám online và qua tổng đài, khách hàng không phải xếp hàng chờ đợi, có thể chủ động thời gian vì đã đặt lịch trước, nên rút ngắn được thời gian làm thủ tục hành chính, từ đó thời gian khám bệnh sẽ nhanh hơn.

Việc đặt lịch khám mang lại lợi ích to lớn cho cả người bệnh và bác sĩ, là giải pháp quan trọng để giảm quá tải bệnh viện và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; Giúp bác sĩ có điều kiện quan tâm đến bệnh nhân nhiều hơn, tạo cầu nối thân thiện, hiểu biết, tăng sự sẻ chia giữa thầy thuốc và người bệnh; Giúp nhân viên y tế có sự chuẩn bị tốt hơn, chu đáo hơn, chủ động hơn trong việc tiếp đón và chăm sóc người bệnh.

https://viennhikhoaquocte.vn/dat-lich-truc-tuyen/dat-lich-kham-truc-tuyen.html

* *Trả lời câu hỏi:*

a. Bệnh viện Nhi Trung ương đã triển khai dịch vụ gì?

.....

.....

.....

b. Lợi ích của việc đặt lịch khám online đối với khách hàng?

.....

.....

.....

.....

c. Khách hàng sẽ nhận được lịch khám qua tin nhắn hay qua email?

.....

.....

.....

.....

d. Việc đặt lịch khám online là giải pháp như thế nào đối với bệnh viện?

.....

.....

.....

3. Từ ngữ

sốt	khám bệnh	chăm sóc
ho	chữa bệnh	siêu âm
cảm cúm	kê đơn	cấp cứu
đau bụng	uống thuốc	huyết áp
đau tay	cặp nhiệt độ	bác sĩ
đau đầu	đánh cảm	y tá
khó thở	bôi dầu	bệnh nhân
tức ngực(đau ngực)	viêm phổi	tiêm
	gãy tay	

4. Ghi chú ngữ pháp

4.1. Mẫu câu hỏi về mong muốn, nhu cầu cần được giải quyết, cần giúp đỡ của người nghe

Chủ ngữ + cần/ muốn..... gì?

Ví dụ 1*:*

- Anh cần giúp gì?

Ông/ bà cần giúp gì ạ?

+ Tôi muốn/ cần khám bệnh

Ví dụ 2:

- Ông/ bà muốn giúp gì không ạ?

+ Tôi muốn gọi xe taxi.

Ví dụ 3:

- Em cần gì?

+ Em muốn/cần làm thẻ ngân hàng.

- Anh/chị cần gì (ạ)?

+ Tôi cần/ muốn mua thuốc đau đầu.

4.2. Mẫu câu dùng để hỏi tình hình sức khỏe của người khác

Chủ ngữ +bị làm sao?
Chủ ngữ + thấy.....như thế nào?
Chủ ngữ + đã đỡ + tính từ/ động từ cảm xúc + chưa?

Ví dụ: - *Anh bị làm sao?*

+ Tôi bị đau đầu.

- Ông thấy trong người như thế nào (rồi ạ)?

+ Tôi thấy chóng mặt, buồn nôn.

- Cô đã đỡ sốt chưa ạ?

+ Cảm ơn cháu! Cô đỡ sốt rồi.

* Lưu ý: Kết cấu: *đỡ + tính từ / động từ cảm xúc (có tính chất tiêu cực như: buồn, đau, mệt,...):* Biểu thị sự giảm xuống của một cảm giác, một trạng thái nào đó không tốt.

Ví dụ: *Cô ấy đã đỡ đau đầu.*

Ông ấy đã đỡ sốt.

- Cần phân biệt đỡ và hết

38^0	37^06	37^0
sốt	*đỡ sốt*	*hết sốt*

Ví dụ: Bạn Hoa bị sốt mấy ngày hôm nay. Hôm kia, nhiệt độ của bạn Hoa là 38^0. Hôm qua, nhiệt độ của bạn Hoa là 37^06. Hôm nay, nhiệt độ của bạn Hoa là 37^0.

Ta có thể nói: Hôm kia, bạn Hoa bị sốt.

Hôm qua, bạn Hoa đỡ sốt.

Hôm nay, bạn Hoa hết sốt (không sốt).

4.3. Cách dùng các từ chỉ trạng thái vật lí của con người theo chiều hướng tiêu cực: *đau, ốm, mỏi, mệt*

Cách dùng từ *đau:*

Chủ ngữ + đau + danh từ chỉ bộ phận cơ thể

Ví dụ:

Tôi đau đầu.

Anh ấy đau tay.

Bà tôi đau chân.

Tương tự: *đau tai/ đau răng/ đau mắt/ đau bụng….*

* *"đau"* có thể kết hợp các phó từ chỉ mức độ*:*

phó từ chỉ mức độ + đau + danh từ chỉ bộ phận cơ thể

Ví dụ: hơi đau đầu

rất đau đầu

vô cùng đau đầu = đau đầu vô cùng

* *"đau"* có thể kết hợp các từ ngữ chỉ cảm thán*:*

đau + danh từ chỉ bộ phận cơ thể + các từ chỉ cảm thán

Ví dụ: đau tay lắm

đau tay quá

đau tay thế không biết

đau tay ơi là đau

* Cách dùng từ *ốm:*

Chủ ngữ + (bị) ốm + danh từ thời gian (+ rồi)

Ví dụ: Tôi + (bị) ốm ba ngày (rồi)

* Cách dùng từ *mỏi:* mỏi + danh từ chỉ bộ phận cơ thể:

Ví dụ:

Tôi + mỏi mắt/ mỏi chân/ mỏi tay/ mỏi lưng/ mỏi gối,...

* Cách dùng từ *mệt:*

Chủ ngữ + (rất, hơi, vô cùng) + mệt + tính từ/ thán từ

Ví dụ:

Tôi hơi mệt/ rất mệt/vô cùng mệt.

Tôi mệt lắm/ mệt vô cùng/ mệt thế không biết/ mệt muốn chết….

4.4. Cách dùng..... *hả?:* Từ *hả* là từ để hỏi đứng cuối câu hỏi, được dùng trong với các ý nghĩa sau:

* *hả* tương đương với từ *phải không?*

Ví dụ: - Tuần sau, lớp mình kiểm tra môn Tiếng Việt sơ cấp hả*?*

= Tuần sau, lớp mình kiểm tra môn Tiếng Việt sơ cấp phải không?

- Cô Lan là bác của bạn Mai hả?

= Cô Lan là bác của bạn Mai phải không?

* *hả* đứng sau các từ để hỏi *đâu, gì, ai, nào* nhằm định hướng rõ câu hỏi vào một người xác định.

Ví dụ: Anh hỏi gì hả anh Thắng? (Câu hỏi hướng cụ thể đến anh Thắng)

Chủ nhật này đi đâu hả chị Mai? (Câu hỏi hướng cụ thể đến chị Mai)

5. Luyện tập

5.1. Nhìn các tranh sau và tập hỏi đáp về sức khỏe

Ví dụ:

1. Em bé bị làm sao?

- Em bé bị sốt.

2. Em bé có bị sốt không?

- Có. Em bé có bị sốt..

3. Em bé sốt bao nhiêu độ?

- Em bé bị sốt $38^{0}5$.

a._____

b ._____

c._____

d._____

e._____

g_____

5.2. Nói về tình hình bệnh dựa trên gợi ý của bức tranh

Gợi ý:

Bác sĩ: Mời chị vào. Chị ngồi xuống ghế để tôi khám cho chị. Chị thấy trong người như thế nào?

Bệnh nhân: Cảm ơn bác sĩ, tôi bị ho.

Bác sĩ: Chị bị ho lâu chưa? Chị có bị sốt không? Chị có thấy đau bụng không?

Bệnh nhân: Tôi ho nhiều, sốt nhẹ $37^0$8.

Bác sĩ: Được rồi, tôi sẽ cho chị siêu âm tim, chụp phổi và nội soi dạ dày. Đợi có kết quả siêu âm và chụp tôi sẽ hướng dẫn chị tiếp theo nhé.

a. _____ b._____

c_____ d_____

5.3. Viết các bệnh thông thường mà em biết

5.4. Chọn và điền các từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống

nghỉ ngơi/ sức khỏe/ thiếu/ khuyên/ mệt mỏi

Ông Hưng là một thương gia giàu có. Trong nhà ông ấy đầy đủ các tiện nghi như máy lạnh, tivi, tủ lạnh,video, xe ô tô, máy rửa bát, máy tập thể thao. Nhưng ông Hưng lại .....một thứ duy nhất đó là.....Ngày nào ông cũng than phiền là không ngủ được, ăn không có cảm giác ngon và luôn thấy.....Bác sĩ riêng của ông .....ông không nên làm việc nhiều, phải .....thoải mái.

5.5. Hãy viết tiếp những lời khuyên về sức khỏe cho người khác

- Cố gắng .....

.....

- Không nên.....

.....

- Hãy.....

.....

- Đừng.....

.....

- Tránh.....

.....

5.6. Thực hành viết theo các yêu cầu sau:

1. Bạn bị căng cơ đùi khi chơi thể thao, khi muốn đề nghị người khác giúp đỡ, bạn sẽ nói gì?

.....

.....

2. Khi bạn đang học, bạn bị đau bụng, bạn muốn nhờ bạn ngồi cùng bàn đưa bạn đi khám, bạn sẽ nói như thế nào?

.....

.....

3. Bạn muốn hỏi đường đến hiệu thuốc gần nhất để mua thuốc uống, bạn sẽ nói như thế nào?

.....

.....

4. Bạn muốn hỏi tình hình sức khỏe của ông/ bà của bạn, bạn sẽ hỏi như thế nào?

.....

.....

5. Bạn muốn biết cơ sở khám chữa bệnh gần nhất, bạn hỏi bạn X cùng phòng với bạn như thế nào?

.....

.....

5.7. Nghe bài hát

Sức khỏe là vàng

Nguồn: Youtube Nguyễn Văn Chung Music (https://www.youtube.com/watch?v=Hhfs9Mpb41o)

Yêu cầu: Hãy ghi lại những điều cần làm để có một sức khỏe tốt mà trong bài hát nhắc đến.

5.8. Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 300 chữ) về tình hình khám chữa bệnh của một bệnh viện nơi bạn sinh sống.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Mở rộng

6.1. Thực hành hỏi đáp về sức khỏe trong các bối cảnh khác nhau (trường học, gia đình,...).

6.2. Nghe bài báo

Công dụng của cây tía tô đối với sức khỏe

Nguồn: Youtube Báo Sức khỏe & Đời sống

(https://www.youtube.com/watch?v=tK8y75J1SqM)

Yêu cầu: Ghi lại những công dụng của cây tía tô đối với sức khỏe được nhắc đến trong bài báo.

6.3. Tục ngữ "*Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ*"

Ngụ ý của người Việt Nam xưa là: không cần phải dùng đến thuốc bổ, mỉm cười mỗi ngày đã là phương thuốc hữu hiệu nhất. Nụ cười mang lại tinh thần lạc quan và năng lượng tích cực giúp chúng ta dũng cảm vượt qua mọi nghịch cảnh trong cuộc sống.

6.4. Sống khoa học, lành mạnh để nâng cao sức khỏe

"Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công. Muốn giữ gìn, nâng cao sức khỏe, phát triển tầm vóc thì phải đồng thời thực hiện tốt cả 3 yêu cầu cốt lõi là: Vệ sinh phòng bệnh, ăn uống điều độ, bảo đảm dinh dưỡng và rèn luyện thể lực thường xuyên. Việc bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe phải là trách nhiệm của mỗi người dân, từng gia đình, cả hệ thống chính trị...." (Hồ Chí Minh, *Sức khỏe và thể dục,* Báo *Cứu quốc*, số 199, ngày 27-3-1946).

Xác định tầm quan trọng của sức khỏe nhân dân nói chung, của thanh niên nói riêng với tiền đồ dân tộc, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, với cương vị là người đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở cán bộ và các cơ quan chức năng 4 việc cần quan tâm, là: Công tác phòng bệnh, công tác thể dục, thể thao, công tác vệ sinh và thực hiện đời sống mới.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, sức khoẻ, khả năng đề kháng của cơ thể con người không tự nhiên mà có, nó phụ thuộc nhiều vào ý thức tự bảo vệ, tự chăm sóc, bồi dưỡng sức khoẻ của mỗi cá nhân. Do vậy, trong luyện tập sức khỏe, chúng ta *phải biết hoà nhập với thiên nhiên, thích nghi với hoàn cảnh sống* để có sức khoẻ học tập, làm việc. Mặt khác, rèn luyện sức khỏe *phải được duy trì thường xuyên, kiên trì, bền bỉ*. Theo Hồ Chí Minh, rèn luyện thân thể là một quá trình tự ý thức. Hằng ngày, trong bất cứ hoàn cảnh nào, cần giữ được thói quen tập thể dục theo một thời khoá biểu xác định: "Mỗi ngày lúc ngủ dậy, tập thể dục một ít. Ngày

nào cũng tập, khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ, như vậy là khỏe". Với Người, luyện tập sức khỏe đã trở thành một nhu cầu như không khí, thức ăn, nước uống hằng ngày; có giữ được sức khoẻ mới làm việc sảng khoái, đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó, phải kết hợp nhiều hình thức luyện tập phù hợp với điều kiện công tác, trạng thái sức khoẻ và thể chất để không nhàm chán. Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý thanh niên trong rèn luyện sức khỏe cần gắn với sinh hoạt điều độ, sạch sẽ, ngăn nắp, hợp vệ sinh. Theo Người, những vấn đề ăn, ngủ, sinh hoạt hợp vệ sinh tưởng chừng như nhỏ nhặt này cũng là một khoa học, nghệ thuật cần phải học, tìm hiểu và hướng dẫn cho thanh niên.

(Quốc Anh, *Lược trích theo: https://www.tapchicongsan.org.vn/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/814112/song-khoa-hoc-lanh-manh-de-nang-cao-suc-khoe.aspx)*

BÀI 7. THỂ THAO

- Từ vựng về chủ đề *Thể thao*

- Ngữ pháp*:*

+ Mẫu câu: *CN + chưa + động từ + lần nào cả*

+ Kết cấu: *tính từ + quá đến nỗi*

+ Cách dùng *một chút, một tí, một ít, một lát*

+ Kết cấu: *Vì ... nên ; Hễ ... là/ thì*

1. Hội thoại

1.1. Nghe hội thoại sau:

Quét mã QR, nghe file *Audio.07*

1.2. Đọc lại hội thoại trên và trả lời các câu hỏi:

Lan: Hoa ơi, bạn có biết chơi bóng bàn không? Đợt này, Nhà trường tổ chức cuộc thi bóng bàn cho sinh viên. Bạn tham gia nhé.

Hoa: Tiếc quá. Tớ chưa chơi bóng bàn lần nào cả bạn ạ. Tớ chỉ biết đánh cầu lông thôi.

Lan: Ừ, thế thì một lát nữa đến giờ sinh hoạt tớ hỏi các bạn trong lớp Hoa ạ. À, tháng 11 sắp tới còn có cuộc thi văn nghệ bạn ạ. Đợt này, mỗi lớp sẽ có hai tiết mục dự thi là hát đơn ca và hát tốp ca.

Hoa: Ôi, thế thì lớp mình sẽ có giải đơn ca rồi. Lan biết không, bạn Linh mới chuyển về lớp mình hát hay lắm đấy. Bạn Linh ở gần nhà mình nên mình biết. Bạn ấy đạt nhiều giải thưởng về văn nghệ lắm. Năm ngoái, trong cuộc thi Thần

tượng âm nhạc, Linh hát hay đến nỗi các giám khảo còn tưởng thu âm trước cơ mà. Bạn yên tâm, hễ Linh mà đi thi là lớp mình sẽ có giải.

Lan: Tuyệt quá. Vào lớp đi Hoa, vào tiết rồi.

a. Hoa có biết chơi bóng bàn không?

.....

.....

b. Hoa biết chơi đá cầu phải không?

.....

.....

c. Theo Hoa, Linh hát như thế nào?

.....

.....

d. Linh đã tham gia cuộc thi *Thần tượng âm nhạc* vào năm nay phải không?

.....

.....

1.3. Đóng vai các nhân vật trong hội thoại và luyện nói.

2. Bài đọc

2.1. Bài đọc 1

Nguyễn Thị Ánh Viên xuất sắc nhất SEA Games 30

Trong lễ bế mạc SEA Games 30 tổ chức tại Sân vận động Điền kinh ở thành phố mới Clark (Philippines) ngày 11-12, Ban Tổ chức SEA Games 30 đã trao cho nữ vận động viên bơi lội của Việt Nam Nguyễn Thị Ánh Viên giải thưởng "Nữ vận động viên xuất sắc nhất SEA Games 30".

Cùng với vận động viên Zheng Wen của Singapore, "Kình ngư" Ánh Viên vinh dự được nhận giải thưởng đặc biệt này sau khi giành sáu Huy chương vàng và hai Huy chương bạc tại "đường đua xanh".

Tham gia thi đấu 11 nội dung cá nhân và một cự li tiếp sức, vận động viên Ánh Viên đã giành Huy chương vàng ở sáu nội dung là cự li 200m bơi hỗn hợp, cự li 200m bơi tự do, cự li 200m bơi ngửa, cự li 100m bơi ngửa, cự li 400m bơi tự do, cự li 400m bơi hỗn hợp và hai Huy chương bạc ở nội dung bơi ngửa cự li 50m và cự li 800m bơi tự do.

Mặc dù không có kỉ lục mới và chưa thể tái lập thành tích tám Huy chương vàng ở liên tiếp hai kì đại hội các năm 2015 và 2017, nhưng bảng thành tích cá nhân của Ánh Viên cũng

quá xuất sắc, góp phần không nhỏ vào thành tích chung của Đoàn Thể thao Việt Nam, đứng thứ hai trên bảng tổng sắp huy chương tại SEA Games lần này.

(nhandan.com.vn/baothoinay-thethao-chuyendong/nguyen-thi-anh-vien-xuat-sac-nhat-sea-games-30-379856/)

** Trả lời các câu hỏi*

a. Nguyễn Thị Ánh Viên là vận động viên bơi lội hay vận động viên điền kinh?

.....

.....

.....

b. Tại SEA Games 30, Nguyễn Thị Ánh Viên đã giành được giải thưởng gì từ Ban tổ chức?

.....

.....

.....

c. Nguyễn Thị Ánh Viên tham gia bao nhiêu nội dung thi đấu? Đó là những nội dung nào?

.....

.....

.....

d. Tại "Đường đua xanh", Ánh Viên đã giành được bao nhiêu Huy chương bạc?

.....

.....

.....

e. Ánh Viên đã giành Huy chương vàng ở nội dung bơi cự li 100m bơi hỗn hợp phải không?

.....

.....

.....

2.2. Bài đọc 2

Nguyễn Quang Hải quê tại Đông Anh, Hà Nội. Anh là cầu thủ bóng đá xuất sắc của đội tuyển bóng đá Quốc gia Việt Nam. Quang Hải có bảng thành tích đồ sộ tại các giải đấu trẻ trong nước. Anh được báo giới trong nước gọi là "Vua giải trẻ".

Năm 2013, Quang Hải giành chức vô địch U21 quốc gia 2013 cùng với đội trẻ Hà Nội T&T và tạo nên cú sốc khi trở thành cầu thủ 16 tuổi đầu tiên giành được danh hiệu vô địch U21 quốc gia .

Năm 2015, anh khoác áo số 7 của Câu lạc bộ Hà Nội (đội bóng đã được đổi tên thành câu lạc bộ bóng đá Sài Gòn vào 2016) chơi ở vị trí tiền đạo tại V.League 2-2015. Quang Hải

được đánh giá có phong độ vô cùng ổn định. Anh đã ghi 4 bàn thắng cho Câu lạc bộ Hà Nội tại mùa giải. Qua đó, anh đã giúp đội bóng vô địch giải hạng nhất 2015 giành vé thăng hạng chơi ở Vleague 2016.

Sau sự thi đấu ấn tượng tại giải bóng đá vô địch U-19 quốc gia Việt Nam 2014, Nguyễn Quang Hải được huấn luyện viên Guillaume Graechen gọi bổ sung vào đội tuyển U-19 Việt Nam đi tập huấn tại Nhật Bản. Ở chuyến tập huấn này anh được đá chính ở hầu hết các trận đấu.

Cũng trong năm 2014, anh cùng U-19 Việt Nam đạt giải Á quân Cúp Hassanal Bolkiah diễn ra tại Brunei.

(https://nguoi-noi-tieng.com/tieu-su/tieu-su-cau-thu-nguyen-quang-hai-531265)

* *Trả lời câu hỏi:*

a. Nguyễn Quang Hải được báo giới trong nước gọi là gì?

.....

.....

.....

b. Tại V.League 2-2015, Nguyễn Quang Hải đã ghi mấy bàn thắng cho câu lạc bộ Hà Nội?

.....

.....

.....

c. Nguyễn Quang Hải chơi ở vị trí tiền đạo tại V.League 2-2015 phải không?

.....

.....

.....

d. Năm 2014, Nguyễn Quang Hải được đi tập huấn tại đâu?

.....

.....

.....

e. Nguyễn Quang Hải được đánh giá là cầu thủ có phong độ như thế nào?

.....

.....

.....

3. Từ ngữ

thể thao	trượt tuyết	vô địch
thể dục	đấu vật	tiền đạo

bóng đá	võ karate	xuất sắc
bóng chuyền	cờ vua	thành tích
bóng rổ	cờ tướng	huy chương
bơi lội	bắn cung	vận động viên
nhảy cao	chạy bộ	rèn luyện
điền kinh	cưỡi ngựa	giải thưởng
cử tạ		

4. Ghi chú ngữ pháp

4.1. Mẫu câu dùng để khẳng định một hành động nào đó chưa từng xảy ra, chưa từng được thực hiện, biểu thị sự phủ định tuyệt đối

Chủ ngữ + chưa + động từ + lần nào cả

Ví dụ:

Tôi chưa chơi bóng ném lần nào cả.

= Tôi chưa chơi bóng ném bao giờ.

Tôi chưa từng xem đấu vật lần nào cả.

= Tôi chưa từng xem đấu vật bao giờ.

4.2. Kết cấu dùng để nhấn mạnh một hoạt động/ một tính chất nào đó của sự vật hiện tượng vượt trên ngưỡng bình thường

... động từ/ tính từ + (quá) đến nỗi

Ví dụ:

Nó cưỡi ngựa giỏi đến nỗi cả ban giám khảo đều ngạc nhiên.

(= cưỡi ngựa rất giỏi)

Anh ấy đá bóng giỏi đến nỗi ai cũng thán phục.

(= đá bóng rất giỏi)

* Kết cấu *... động từ/ tính từ + (quá) đến nỗi* thường xuất hiện trong mẫu câu:

Ví dụ 1:

Anh ấy lo lắng quá đến nỗi anh ấy không nghe rõ trọng tài đã tuýt còi cho xuất phát.

CN1 động từ1 CN2 động từ 2

Anh ấy lo lắng quá đến nỗi không nghe rõ trọng tài đã tuýt còi cho xuất phát.

CN1 động từ1 động từ 2

(Lược CN2 vì CN1 và CN2 trùng nhau)

Ví dụ 2:

Cô ấy xinh đến nỗi mọi chàng trai trong lớp đều nhìn cô ấy không chớp mắt.

Anh ta lái xe nhanh đến nỗi không ai đuổi kịp anh ta.

Anh ấy trượt băng nghệ thuật đẹp đến nỗi cả khán phòng đứng dậy cổ vũ.

Không nói: *rất xinh đến nỗi ...(-)*

quá nhanh đến nỗi…(-)

đẹp đến nỗi lắm (-)

4.3. Cách dùng *một chút, một tí, một ít, một lát*

một chút, một tí, một ít, một lát dùng để biểu thị ý nghĩa *không nhiều* về mặt số lượng hoặc thời gian.

+ một ít: chỉ biểu thị *số lượng ít/ không nhiều* của sự vật, hiện tượng.

Ví dụ:

Tay tôi chơi bóng chuyền bị sưng đau quá! Anh lấy giúp tôi một ít đá để tôi chườm tay. (= số lượng đá không nhiều)

+ một lát: chỉ biểu thị ý nghĩa *thời gian ngắn, không lâu* của hoạt động nào đó.

Ví dụ:

Anh đợi tôi một lát. (=đợi một thời gian ngắn, không lâu*:* khoảng 3 -5 phút hoặc khoảng 5-10 phút.)

động từ + một lát *động từ + một ít + danh từ*

Ví dụ 1: *Bơi một lát nữa rồi nghỉ con nhé!*

Tập thể dục một lát rồi nấu cơm cho mẹ nhé!

Ví dụ 2: *Chỉ cho tôi hiệu thuốc nhé, tôi muốn mua một ít thuốc.*

+ một chút, một tí: biểu thị ý nghĩa *ít, không nhiều* của sự vật hiện tượng nào đó về mặt thời gian hoặc về mặt số lượng.

Ví dụ 1*: Đợi tôi một lát nhé!*

= Đợi tôi một chút nhé!

= Đợi tôi một tí nhé

Ví dụ 2*: Chân của tôi vẫn còn đau một ít.*

= Chân của tôi vẫn còn đau một chút.

= Chân của tôi vẫn còn đau một tí.

4.4. Kết cấu: *Vì … nên ; Hễ … thì/là*

* Kết cấu:

Vì … nên….

biểu thị quan hệ nguyên nhân - kết quả

Ví dụ: *Vì anh ấy không khởi động trước khi bơi nên anh ấy bị chuột rút.*

Vì trời mưa to nên trận thi đấu bóng đá giữa đội tuyển Việt Nam và Trung Quốc tạm hoãn.

* Lưu ý:

+ Có thể đảo vị trí hai vế và lược từ "nên"

Ví dụ: *Hôm nay, tôi đi học muộn vì trời mưa.*

+ Có thể lược một trong hai chủ ngữ nếu hai chủ ngữ trùng nhau.

Ví dụ: *Vì cô ấy rất chăm tập thể dục nên rất nhanh nhẹn.*

* Kết cấu:

Hễ … thì/là

biểu thị quan hệ - kết quả, diễn tả điều chắc chắn xảy ra (hễ A thì B: nếu A xảy ra thì chắc chắn B xảy ra)

Ví dụ: *Hễ anh ấy đến thì nó xấu hổ.*

Hễ trời lạnh là tôi bị sổ mũi.

Kết cấu tương đương

Hễ ...là/thì = Cứ ...là/ thì

Ví dụ: Hễ mùa xuân là hoa đào nở.

= Cứ mùa xuân là hoa đào nở.

5. Luyện tập

5.1. Nhìn các tranh sau và tập hỏi đáp về thể thao

Ví dụ:

1. Các bạn nhỏ chơi môn thể thao gì?

- Các bạn nhỏ chơi đá bóng.

2. Họ chơi đá bóng như thế nào?

- Họ chơi đá bóng hay đến nỗi khán giả vỗ tay không ngừng.

3. Họ biết chơi bóng ném không?

- Họ chưa chơi bóng ném lần nào cả.

- Họ biết chơi bóng ném một chút/ một ít.

a._____ b._____

c._____ d._____

e._____

5.2. Viết tên các môn thể thao mà bạn biết

5.3. Chọn và điền các từ ngữ thích hợp dưới đây vào chỗ trống:

vận tốc	nỗ lực	nhà vô địch
sôi động	huy chương	thể lực
bỏ cuộc	vận động viên	chiến thắng

1. Những vận động viên thể thao thường là những người có ....tốt.
2. Các cuộc thi đấu thể thao thường có ba loại.....vàng, bạc, đồng.
3. Cuộc đua xe đạp về cội nguồn có 150 ..... tham gia.
4. Người giành chiến thắng trong các cuộc đua được gọi là ..... …….....
5. Nhìn chung, cuộc thi đấu thể thao nào cũng rất .....
6. Tay đua số 4 vì bị ngã gãy tay nên phải .....
7. Những vận động viên không quyết tâm và.....thì không thể giành..... .....trung bình trong cuộc đua xe đạp "Về cội nguồn" là bao nhiêu?

5.4. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Hôm qua, bạn có đi xem đá bóng không?

.....
.....
.....

2. Bạn thích môn thể thao nào nhất? Vì sao?

.....
.....
.....
.....

3. Buổi sáng, bạn thường chạy bộ phải không?

.....

.....

.....

4. Bạn đã chơi đua thuyền bao giờ chưa?

.....

.....

5. Môn thể thao điền kinh chỉ có vận động viên nam không có vận động viên nữ phải không?

.....

.....

.....

.....

6. Ở nước bạn có môn thể thao bắn cung không? Bạn có biết bắn cung không?

.....

.....

.....

5.5. Viết về môn thể thao (hoặc vận động viên) mà bạn yêu thích.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5.6. Nghe bài hát

Bài hát về các môn thể thao dành cho trẻ em

Nguồn: Youtube Bé ơi, bé à (https://www.youtube.com/watch?v=JOYqP5A1o_E)

Yêu cầu: Ghi lại tên những môn thể thao được nhắc tới trong bài hát.

5.7. Dựa vào gợi ý của bức tranh dưới đây, bạn hãy nói về các môn thể thao mà Bác Hồ đã từng luyện tập.

5.8. Dựa vào gợi ý của bức tranh sau, bạn hãy viết 1 đoạn văn ngắn (khoảng 250 chữ) về lợi ích của việc luyện tập thể dục thể thao.

……...

……...
……...
……...
……...
……...
……...
……...
……...
……...
……...
……...
……...
……...
……...

6. Mở rộng

6.1. Thực hành hỏi đáp về chủ đề thể thao trong các bối cảnh khác nhau.

6.2. Nghe bản tin

Vòng loại thứ nhất Olympic 2024: Đội tuyển nữ Việt Nam thắng đậm Nepal

Nguồn: Youtube VTV Thể thao

(https://www.youtube.com/watch?v=OgnhP1NiWSs)

Yêu cầu: Ghi lại tên các nữ cầu thủ và số bàn thắng của đội tuyển nữ Việt Nam được nhắc đến trong bản tin.

6.3. Thể dục và sức khỏe

Bác Hồ đặt vấn đề và nêu rõ vị trí của Thể dục thể thao trong đời sống xã hội: *"Mỗi một người dân yếu ớt tức làm cho cả nước yếu ớt một phần; mỗi một người dân mạnh khỏe, tức là góp phần cho cả nước mạnh khỏe". Bác khẳng định: "Vậy nên luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người dân yêu nước".* Bác chỉ dẫn*: "Mỗi người lúc ngủ dậy, tập ít phút thể dục, ngày nào cũng tập thì khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ. Như vậy*

là khỏe. Dân cường thì quốc thịnh. Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. Tự tôi ngày nào tôi cũng tập".

(Lược trích theo: https://dangcongsan.vn/the-thao/chu-tich-ho-chi-minh-voi-nen-the-duc-the-thao-viet-nam-621128.html)

Bài 8: ÔN TẬP

I. Ghi chú ngữ pháp cần nhớ

1. Chủ đề Động vật, thực vật

+ Mẫu câu: *Đây/kia là con/cây gì?*

+ Mẫu câu: *Đây/kia là con/cây ..... /phải không?*

+ Cách dùng các từ chỉ loại: "củ", "quả", "hạt"

+ Kết cấu: *Mặc dù ... nhưng*

+ Kết cấu: *Không những... mà còn...*

+ Cách dùng *…có thể… được không?*

+ Cách dùng động từ có hai bổ ngữ*: đưa, gửi, trao, tặng, biếu*

2. Chủ đề Thời gian

+ Mẫu câu*: Hôm nay/ ngày mai + là + thứ mấy?*

+ Mẫu câu: *Hôm nay là ngày mồng mấy/ ngày bao nhiêu?*

+ Mẫu câu: *Bây giờ + là + mấy giờ?*

+ Kết cấu: *hằng+ngày/ tuần/ tháng/ năm*

3. Chủ đề Thời tiết

+ Mẫu câu: *Từ chỉ thời gian (hôm nay, ngày mai…) + thời tiết + (như) thế nào*?

+ Cách dùng các từ chỉ sự tồn tại: *có, còn*

+ Cách dùng các phó từ: *khá, tương đối, không...lắm*

+ Cách dùng: *thế mà/ vậy mà/ ấy thế mà*

+ Kết cấu: *càng … càng* (*càng ngày càng*)

+ Kết cấu: *động từ + xem/ thử xem (thử +động từ +xem)*

4. Chủ đề Trang phục

+ Cách dùng câu hỏi: *bao lâu, bao xa*

+ Cách dùng: *ra, thấy, được.*

+ Cách dùng: *khác, giống, khác nhau, giống nhau .*

+ Kết cấu: *vừa... vừa...*

+ Kết cấu: *làm ơn + động từ*

5. Chủ đề Sở thích, thói quen

+ Mẫu câu: *Sở thích/thói quen của …… là gì?*

+ Mẫu câu: *Chủ ngữ + thích + ……..*

+ Kết cấu*: đã...lại...*

+ Kết cấu: *Nếu...thì...*

+ Cách sử dụng: *khoảng, độ, chừng*

6. Chủ đề Sức khỏe

+ Mẫu câu: *Chủ ngữ + cần/ muốn gì?*

+ Mẫu câu: *Chủ ngữ + bị làm sao/ thấy ....như thế nào?*

Chủ ngữ + đã + đỡ + tính từ/ động từ cảm xúc +chưa?

+ Cách dùng các từ: *đau, ốm, mỏi mệt*

+ Cách dùng: *hả*

7. Chủ đề Thể thao

+ Mẫu câu: *Tôi + chưa + động từ + lần nào cả*

+ Kết cấu: *... tính từ + quá đến nỗi*

+ Cách dùng *một chút, một tí, một ít, một lát*

+ Kết cấu: *Vì ... nên ; Hễ ... thì/là*

II. Thực hành

Bài tập 1: Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc để điền vào chỗ trống:

1. Đây là ..... bút chì. (tấm/ quyển/ cái)

2. Đó là ..... điện thoại phải không? (con/ bức/ cái)

3. Kia là cái gì? ..... là cái ti vi. (đây/kia/đó)

4. Đó là ..... mèo phải không? (con/ cái/ quyển)

5. Đây là …… tranh phải không? (con/ bức/ cái)

6. Kia là ……..từ điển của thầy giáo. (tờ/ cái/ quyển)

7. Cái cặp sách ..... (này/ đây/ đâu) rất mới.

8. Lan ..... mẹ Lan một bó hoa nhân ngày mùng tám tháng ba. (trao/gửi/tặng/ biếu)

9. Lan .....ông nội một chiếc điện thoại di động Sam Sung. (trao/ gửi/tặng/biếu/cho)

10. Trường Đại học Sư phạm .....500 phần quà tết cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. (trao/ gửi/tặng/biếu/cho)

11. Hôm nay là ngày 15 tháng 11 năm 2023. Ngày kia sẽ là ngày……tháng 11 năm 2023. (13/ 17/ 21)

12. Quần của tôi… ……quần bạn ấy (giống nhau/ khác/ khác nhau)

13. Mỗi sáng, ông thường chạy bộ……..? Khoảng 1 tiếng, cháu ạ. (bao lâu/ bao xa/ bao năm)

14. Từ kí túc xá đến lớp học của bạn…….? (bao lâu/ bao xa/ bao năm)

Bài tập 2: Thêm *càng ....càng....*vào vị trí thích hợp:

1. Mưa to, nhà bị dột.

2. Hút thuốc lá nhiều thì bị ho.

3. Tôi học tiếng Việt, tôi thấy thú vị.

4. Ông làm việc này nhanh thì tốt.

5. Tôi ở Kí túc xá của Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên được 6 tháng rồi. Tôi ở lâu, tôi hiểu thêm nhiều về cuộc sống của sinh viên Việt Nam: rất vui vẻ!

6. Bạn Khăm The học tiếng Việt giỏi.

7. Trời mưa, đường trơn.

8. Tôi xem bộ phim *Về nhà đi con,* tôi thấy rất hay.

9. Ông ấy già, ông ấy khó tính.

10. Em ấy lớn, em ấy rất xinh.

Bài tập 3: Hoàn thành các câu sau:

1. Càng ngày, anh ấy phát âm tiếng Việt càng.....

2. Sức khỏe của bà ấy ngày càng.....

3. Khí hậu trên trái đất càng ngày càng.....

4. Cô ấy càng lớn càng.....

5. Bạn Minh học càng ngày càng.....

6. Chị ấy càng nói, tôi càng……..

7. Trời càng ngày càng.....

8. Chúng tôi càng ngày càng ……đất nước và con người Việt Nam.

9. Càng lớn em ấy càng……..

10. Em gái tôi nấu ăn càng ngày càng…….

Bài tập 4: Chọn *củ/quả/ hạt/nải/ chùm/cây* điền vào vị trí thích hợp:

.....chuối	.....gạo	.....dưa hấu
.....nhãn	.....khế	.....nho

 .....ổi	 .....cà rốt	 .....su hào
 .....hoa hồng	 .....chanh	 .....trứng
 .....dứa	 .....hành	 .....táo
 .....bắp cải	 .....*khoai tây*	 .....bí

.....susu	.....súp lơ	.....thanh long

Bài tập 5: Dùng kết cấu ngữ pháp *thử + động từ +xem* để hoàn chỉnh các câu sau:

1. Dưa hấu ngọt lắm, chị.....

2. Bài hát này rất hay, bạn .....

3. Bạn đã ăn bánh cuốn Cao Bằng chưa? Rất ngon bạn ạ. Bạn .....

4. Bạn..... Áo dài Việt Nam mặc vào đẹp lắm.

5. Vịnh Hạ Long thật là đẹp. Các bạn.....

6. Bún bò Huế ăn rất ngon, các anh chị .....

7. Các bài hát dân ca của Việt Nam hát rất thú vị, anh .....

8. Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên rất đẹp, rất nhiều hoa. Các bạn .....

9. Bài báo này rất thú vị, bạn ……

10. Chiếc váy này có lẽ hợp với chị đấy, chị ……

11. Cháu …… …, bản tin dự báo thời tiết ngày mai có mưa không?

Bài tập 6: Dùng kết cấu ngữ pháp *thử + động từ +xem* để gợi ý, khuyến khích người khác làm những việc sau:

1. Bạn của bạn đang đau đầu và sốt. Bạn ấy chưa biết uống thuốc gì.

……

……

2. Bạn đã ăn món phở bò của Việt Nam và thấy rất ngon. Bạn muốn bạn của bạn ăn thử. Bạn sẽ nói với bạn của bạn như thế nào?

……

……

3. Ở VTV1 đài truyền hình Việt Nam đang chiếu bộ phim "Về nhà đi con". Bạn muốn bạn của bạn cùng xem với bạn. Bạn sẽ nói với bạn của bạn như thế nào?

……

……

4. Bạn không nhớ ngày mai lớp có đi lao động không. Bạn muốn nhờ Lan hỏi lớp trưởng hộ bạn. Bạn sẽ nói với Lan như thế nào?

……
……

5. Bạn của bạn đến nhà bạn chơi. Bạn muốn mời bạn ấy ăn cam. Bạn sẽ nói với bạn của bạn như thế nào?

……
……

6. Bạn nghe các bạn trong lớp nói ở cổng trường có quán bún bò Huế rất ngon. Bạn muốn rủ chị của bạn đi ăn. Bạn sẽ nói với chị của bạn như thế nào?

……
……

7. Bạn cùng mẹ bạn đi mua quần áo. Bạn thấy một chiếc váy rất đẹp. Bạn muốn mẹ bạn mặc thử. Bạn sẽ nói với mẹ của bạn như thế nào?

……
……

8. Bạn để quên thẻ học sinh ở nhà. Bạn không nhớ để ở đâu. Bạn gọi điện thoại về nhờ mẹ bạn tìm hộ bạn. Bạn sẽ nói với mẹ của bạn như thế nào?

……
……

9. Bạn đến nhà bạn của bạn chơi nhưng không nhớ đường vào. Bạn gọi điện hỏi bạn của bạn như thế nào để hỏi đường vào nhà bạn ấy.

……
……

10. Bạn muốn đi siêu thi Lan Chi nhưng bạn không biết đường đến đó. Bạn sẽ hỏi bạn của bạn như thế nào?

……
……

Bài tập 7: Khoanh tròn vào phương án trả lời đúng:

1. Cơn mưa kéo dài.....hơn hai tiếng.

A. khoảng B. những C. cơ D. rồi

2. Trời tối quá nên tôi không .....thấy gì

A. nghe B. nhận C. nhớ D. nhìn

3. Tôi.....thấy tiếng hát của bạn Hoa.

A. nhìn B. nghe C. đọc D. nghĩ

4. Sau gần một tiếng, anh ấy mới .....thấy chìa khóa ô tô của mình.

A. tìm B. nhặt C. xem D. nhận

5. Sang học ở Việt Nam đã hai tháng, hôm nay tôi đã .....được thư của gia đình.

A. hiểu B. nghĩ C. nhận D. gửi

6. Chúng tôi đã .....ra nhau sau nhiều năm không gặp.

A. thấy B. nhận C. nghe D. nói

7. Chúng tôi đã ……được vé máy bay để đi công tác.

A. mua B. xem C. lái D. nhặt

8. Lan đã…….được quán bánh cuốn rất ngon.

A. mua B. xem C. tìm D. đọc

9. Họ đã ……thấy nhau sau bao năm xa cách.

A. nghe B. đến C. nhớ D. tìm

10. Sáng nay, Hoa đã ……được thư của mẹ Hoa gửi.

A. mua B. nhận C. nghĩ D. nghe

Bài tập 8: Viết theo các yêu cầu sau:

1. Bạn bị sốt và ho, khi muốn đề nghị bác sĩ khám bệnh, bạn sẽ nói gì?

.....

.....

2. Bạn muốn rủ các bạn cùng phòng ra sân vận động để đá bóng, bạn sẽ nói như thế nào với các bạn ấy?

.....

.....

3. Bạn muốn đến thư viện để đọc sách nhưng bạn không biết đường đi. Bạn sẽ nói như thế nào với bạn của bạn?

.....

.....

4. Cô giáo muốn bạn tham gia thi đấu bóng bàn trong tuần sau, bạn chưa từng đánh bóng bàn. Bạn sẽ nói với cô giáo như thế nào?

.....

.....

5. Mẹ bạn mới sang Việt Nam thăm bạn. Bạn thấy món nem của Việt Nam ăn rất ngon. Bạn muốn mẹ bạn ăn nem cùng bạn.Bạn sẽ nói như thế nào với mẹ của bạn?

.....

.....

Bài tập 9: Bạn hãy đặt câu theo các tình huống sau (có sử dụng *đỡ* hoặc *hết)*

1. Buổi sáng bạn Lan bị đau đầu. Buổi trưa, Lan uống thuốc trị đau đầu, Lan chỉ còn đau đầu một chút. Buổi chiều, Lan không còn đau đầu nữa.

.....

.....

2. Chị Mai hôm qua bị ho rất nhiều. Sáng hôm nay, bác sĩ kê thuốc cho uống. Đến buổi trưa, chị Mai đã không còn ho nhiều nữa.

.....

.....

3. Anh Thắng bị đau tay đã hai hôm rồi. Hôm nay, tay anh Thắng không còn đau nữa.

.....

.....

4. Bạn Hoa bị sốt mấy ngày hôm nay. Hôm kia, nhiệt độ của bạn Hoa là 38^0 . Hôm qua, nhiệt độ của bạn Hoa là 37^06. Hôm nay, nhiệt độ của bạn Hoa là 37^0.

.....

.....

5. Tối hôm qua, Lan bị đau bụng. Mẹ Lan pha cho Lan một cốc nước đường gừng ấm để Lan uống. Sáng nay Lan đã không còn đau bụng nữa.

.....

.....

Bài tập 10: Hãy chọn phương án đúng (Đ) hay sai (S) trong các câu sau:

1. Anh ấy bị đau họng sáng nay.	
2. Đọc sách nhiều quá khiến tôi bị mỏi mắt.	
3. Ông ấy bị đau lưng đã hai tuần rồi.	
4. Luyện tập thể thao khiến cho anh ấy bị mỏi bụng.	
5. Cô ấy bị mỏi tay do sáng nay cắt may 10 bộ quần áo.	
6. Tôi bị đau đầu quá.	
7. Mẹ tôi bị mỏi cổ do ngồi lâu một tư thế.	
8. Tôi bị mỏi tim, bác sĩ ạ.	
9. Mẹ ơi, con bị đau chân!	

Bài tập 11: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu đúng:

1. tuổi cao/mặc dù/ông nội tôi/nhưng/đi đón cháu/vẫn/hằng ngày

.....

.....

2. 100/đỏ/tôi/cho/bông hồng/anh ấy/tặng

…….....

.....

3. chuồng số 5/phải không /con vật/đang/con hổ/là/được nuôi/trong

.....

.....

.....

4. có thể/chị/bán/được không/hoa lan/giống/cho/tôi/này

.....

.....

5. tuần sau/là/tháng 10/mồng 2/ngày/thứ hai/năm 2023

.....

.....

6. Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên/đã ở/của/6 tháng/được/tôi/kí túc xá/rồi

.....

.....

7. hằng tuần/ vào thứ 7/mặc dù/rất bận học/tôi/vẫn đến/thư viện/nhưng

.....

.....

8. tôi/gửi tiền/thường/ngày/cho/mẹ/mồng 5/hằng tháng/vào

.....

.....

9. miền Bắc/thời tiết/mùa xuân/rất/ở/tuyệt vời

.....

.....

10. trời/dự báo/theo/lạnh/thời tiết/càng ngày càng

.....

.....

11. hát hay/vừa/cô ấy/múa đẹp/vừa

.....

.....

12. món ăn/đã/ở/này/nhà hàng/ngon/lại/rẻ

.....

.....

13. không chỉ/ xem phim hành động/chị gái/ thích/mà còn/tôi/ nhạc trẻ/thích/nghe

.....

.....

14. trời/thuận lợi/vì/mưa/các vận động viên/không/nên/thi đấu

.....

.....

15. bạn/dạ dày/đỡ/chưa/mẹ/của/đã/đau

.....

.....

Bài tập 12: Chọn câu có ý nghĩa tương đương:

1. Hằng ngày, ông Minh đều tập thể dục.

a. Ông Minh không thường xuyên tập thể dục.

b. Ông Minh ngày nào cũng tập thể dục.

c. Ông Minh thỉnh thoảng mới tập thể dục.

2. Hôm qua, tôi đã thi xong môn Tiếng Việt sơ cấp A2.

a. Hôm qua, tôi thi môn Tiếng Việt sơ cấp A2 rồi.

b. Hôm qua, tôi chưa thi môn Tiếng Việt sơ cấp A2.

c. Hôm nay, tôi sẽ thi môn Tiếng Việt sơ cấp A2.

3. Bạn thử đoán xem ngày mai thời tiết thế nào?

a. Bạn thử đoán xem ngày mai thời tiết đẹp hay xấu?

b. Bạn đoán thử xem ngày mai thời tiết thế nào?

c. Bạn có biết ngày kia thời tiết thế nào không?

4. Bạn ấy không chỉ thông minh mà còn ngoan ngoãn.

a. Bạn ấy tuy thông minh nhưng ngoan ngoãn.

b. Bạn ấy vì thông minh nên ngoan ngoãn.

c. Bạn ấy vừa thông minh vừa ngoan ngoãn.

5. Ông ấy tập thể dục khoảng 2 tiếng rồi.

a. Ông ấy tập thể dục độ 2 tiếng rồi.

b. Ông ấy tập thể dục từ lâu rồi.

c. Ông ấy tập thể dục 2 tiếng trước.

6. Tuy anh ấy không khỏe nhưng vẫn tham gia cuộc chạy đua này.

a. Mặc dù anh ấy không khỏe nhưng vẫn tham gia cuộc chạy đua này.

b. Anh ấy không những khỏe mà còn tham gia cuộc chạy đua này.

c. Nếu khỏe thì anh ấy vẫn tham gia cuộc chạy đua này.

7. Vì các món ăn ở nhà hàng này ngon và rẻ nên ai cũng thích.

a. Ai cũng thích vì các món ăn ở nhà hàng này ngon và rẻ.

b. Vì ai cũng thích nên các món ăn ở nhà hàng này ngon và rẻ.

c. Nếu các món ăn ở nhà hàng này ngon và rẻ thì ai cũng thích.

8. Em chưa chơi bóng bàn lần nào cả.

a. Em chưa biết cách chơi bóng bàn.

b. Em chưa bao giờ chơi bóng bàn.

c. Em đã chơi bóng bàn nhiều lần rồi.

9. Áo thể thao của tôi khác áo của bạn.

a. Áo thể thao của tôi khác nhau áo của bạn.

b. Tôi và bạn ấy khác nhau.

c. Áo thể thao của tôi và áo thể thao của bạn khác nhau.

Bài tập 13: Sử dụng những từ ngữ được gợi ý để viết lại câu có nghĩa tương đương

1. *Ngày nào tôi cũng học bài lúc 20h.*

Gợi ý: *"Hằng ngày"*

……

…...……

2. *Em ấy càng học càng tiến bộ.*

Gợi ý: *"càng ngày càng"*

……

…...……

3. *Chị gái tôi vừa hát hay vừa múa đẹp.*

Gợi ý: *"đã……lại"*

……

…...……

4. *Chị ấy vừa xinh đẹp vừa tốt bụng.*

Gợi ý: *"không những…… mà còn"*

……

…...……

…….....

5. *Ngày nào anh ấy cũng tập thể dục lúc 5h.*

Gợi ý: *"Hằng ngày"*

……

…...……

6. *Em ấy càng lớn càng xinh đẹp.*

Gợi ý: *"càng ngày càng"*

……

…...……

7. *Chị ấy vừa hát hay vừa múa đẹp.*

Gợi ý: *"đã……lại"*

……

…...……

8. *Mẹ tôi vừa chăm chỉ vừa tốt bụng.*

Gợi ý: *"không những…… mà còn"*

……

…...……

9. *Tôi chưa đến Hà Nội bao giờ.*

Gợi ý: *"chưa……lần nào cả"*

……

…...……

10. *Tôi chưa chơi bóng chày lần nào cả.*

Gợi ý: *"chưa…… bao giờ"*

……

…...……

11. *Tôi sẽ tiếp tục học ở Đại học Sư phạm Thái Nguyên nếu tôi thi đỗ sát hạch tiếng Việt.*

Gợi ý: *"nếu…… thì"*

……

…...……

12. *Anh ấy không những hát hay mà còn nhảy rất đẹp.*

Gợi ý: *"vừa…… vừa"*

……

…...……

Bài tập 14: Hãy ghép cột A và B để tạo thành một câu hoàn chỉnh:

A		B	
1.	Vì anh ấy chăm chỉ học tập	a.	thì ai chả muốn đến ăn
2	Mẹ tôi vừa nhắc tới chị gái tôi	b.	lần nào cả
3	Anh trai tôi không những thích đánh đàn	c.	giống nhau
4	Bố tôi chưa đến Việt Nam	d.	càng ngày càng tiến bộ
5	Nếu món ăn ở đây vừa ngon vừa rẻ	e.	giờ lại bị đau đầu
6	Bà ấy mới khỏi đau răng	g.	nên anh ấy đã đạt điểm cao trong kì thi vừa qua.
7	Anh ấy học tiếng Việt	h.	chị ấy đã xuất hiện
8	Họ càng ngày càng có sở thích	i.	mà còn thích đánh trống

Bài tập 15: Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi

Lễ khai mạc SEA Games 31 sẽ diễn ra trên sân vận động Mỹ Đình vào tối 12/5. Toàn bộ vé vào xem Lễ khai mạc, bế mạc, trận chung kết và tranh huy chương đồng môn bóng đá nam SEA Games 31 sẽ thuộc quyền quản lý của ban tổ chức đại hội.

Theo thông báo mới nhất, Ban tổ chức sẽ không bán vé Lễ khai mạc SEA Games 31 và chỉ phát hành khoảng 20.000 vé mời cho các quan khách, người hâm mộ đến sân Mỹ Đình tham dự buổi lễ.

Sân Mỹ Đình có sức chứa 40.000 chỗ ngồi, nhưng theo kịch bản Lễ khai mạc SEA Games 31, toàn bộ khu vực khán đài B được dùng để làm sân khấu biểu diễn. Khán đài C, D được dùng để làm chỗ ngồi cho các đoàn thể thao đến dự buổi lễ. Do vậy chỉ có thể phát hành vé mời ở khán đài A sân Mỹ Đình với khoảng 20.000 vé.

Lễ khai mạc SEA Games 31 sẽ kéo dài 120 phút trên sân vận động Mỹ Đình, sau lễ diễu hành của 11 đoàn thể thao.

Theo: https://baodauthau.vn/ban-tin-thoi-su-sang-26-4)

1. Lễ khai mạc SEA Games 31 sẽ diễn ra trên sân vận động Mỹ Đình vào sáng 12/5 phải không?

……

……

2. Ban tổ chức có bán vé xem Lễ khai mạc SEA Games 31 không ?

……

……

3. Khu vực nào sẽ dùng để làm chỗ ngồi cho các đoàn thể thao đến dự buổi lễ?

……

……

……

4. Có bao nhiêu đoàn thể thao diễu hành trong Lễ khai mạc SEAGames 31?

……

……

……

5. Khu vực nào sẽ được dùng làm sân khấu biểu diễn?

……

……

……

6. Bao nhiêu vé mời ở khán đài A sẽ được phát hành?

……

……

……

7. Lễ khai mạc SEA Games 31 sẽ kéo dài trong bao lâu?

……

……

……

8. Sân Mỹ Đình có sức chứa bao nhiêu chỗ ngồi?

……

……

……

……

Bài tập 16: Viết tiếp các câu sau:

1. Cứ trời mưa là…….

2. Nếu chủ nhật trời không mưa……..

3. Càng ở Việt Nam…….

4. Chị ấy không những hát hay……

5. Tôi có sở thích…….

6. Bóng bàn tôi biết chơi một chút, còn bóng chày…….

7. Tôi vừa thích ăn nem vừa…….

8. Áo khoác của tôi và của bạn ấy…….

Bài tập 17: Chữa các câu sai sau:

1. Tôi không những thích nghe nhạc trẻ còn mà thích nghe nhạc dân ca.

……..

2. Mẹ tôi hôm nay bị mỏi đầu.

……..

3. Chưa cả lần nào bố mẹ tôi đến Việt Nam.

……..

4. Ông ấy cũng tập thể dục buổi sáng khi nào.

……..

5. Cô ấy mua thịt vừa mua cá.

……..

6. Trời tối quá, chúng tôi không xem thấy đường đi.

……..

7. Ngày nào, tôi đi học cũng.

……..

8. Ngày mai, chúng ta đã thi môn Viết tếng Việt.

……..

Bài tập 18: Chuyển các câu sau thành câu hỏi, dùng "hả"

Ví dụ: Ngày mai là thứ ba.

⟶ Ngày mai là thứ ba hả?

⟶ Ngày mai là thứ ba hả Hoa?

1. Kia là ông nội của Hoa

……..

2. Bà ấy là nghệ sĩ múa nổi tiếng của Việt Nam.

……..

3. Hoa biết nói tiếng Lào.

……..

4. Ngày mai, chúng ta đi tham quan cố đô Huế.

……..

5. Anh ấy là Quang Hải - cầu thủ bóng đá xuất sắc của Việt Nam.

……..

6. Tối mai, tại quảng trường Võ Nguyên Giáp sẽ có biểu diễn xiếc Việt Nam.

……..

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT (2015), *Thông tư ban hành khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài*, Số: 17/2015/TT-BGDĐT, HN.

2. Bộ GD&ĐT (2021), Thông tư 27/2021/TT-BGDĐT, *Thông tư ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.*

3. Trịnh Đức Hiển (Chủ biên), Đinh Thanh Huệ, Đỗ Thị Thu (2005), *Tiếng Việt cho người nước ngoài - Trình độ nâng cao*, Nxb. Đại học Quốc gia, HN.

4. Đoàn Thiện Thuật (Chủ biên), Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Phương Trang, Trịnh Cẩm Lan (2005), *Thực hành tiếng Việt - Trình độ B*, Nxb. Thế giới, HN.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
Địa chỉ: Tổ 54, Phường Phan Đình Phùng - Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại: 0208 3546116; Fax: 0208 3840017
Website: nxb.tnu.edu.vn * E-mail: nxb.dhtn@gmail.com

GIÁO TRÌNH
TIẾNG VIỆT SƠ CẤP A2

(ELEMENTARY VIETNAMESE LEVEL A2)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. PHẠM QUỐC TUẤN
Giám đốc - Tổng biên tập

Biên tập:	HOÀNG ĐỨC NGUYÊN
Thiết kế bìa:	LÊ THÀNH NGUYÊN
Sửa bản in:	QUÁCH THUỲ LINH
Trình bày:	QUÁCH THUỲ LINH

Đối tác liên kết xuất bản
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
(Địa chỉ: Số 20, Đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên)

***

Số đăng kí kế hoạch xuất bản: 4426-2025/CXBIPH/3-132/ĐHTN
Số quyết định xuất bản: 11LK-TC/QĐ-NXBĐHTN, ngày 05/11/2025
Nộp lưu chiểu quý IV năm 2025
*Mã ISBN: **978-604-350-622-8***

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được sao chép hay phát hành dưới bất kì hình thức hoặc phương tiện nào nếu không được sự cho phép của Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên